

KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM - 30 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 2/3/1993, Chính phủ ban hành Nghị định số 13 – CP về công tác khuyến nông. Kể từ đây, hệ thống khuyến nông Việt Nam được chính thức thành lập trên phạm vi toàn quốc.

Xây dựng hệ thống

Ở Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm thành lập Cục Khuyến nông để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác khuyến nông. Bộ Lâm nghiệp giao Vụ Lâm sinh quản lý về công tác khuyến lâm. Bộ Thủy sản giao Vụ Nghề cá quản lý về công tác khuyến ngư.

Ở địa phương, các tỉnh, thành phố thành lập Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp; ở 28 tỉnh, thành phố ven biển thành lập Trung tâm Khuyến ngư trực thuộc Sở Thủy sản. Ở cấp huyện, thành lập Trạm Khuyến nông, Trạm Khuyến ngư trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện hoặc trực thuộc Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Khuyến ngư tỉnh. Ở cấp xã hoặc cụm xã bố trí cán bộ khuyến nông cơ sở, cộng tác viên khuyến nông và vận động nông dân có kinh nghiệm sản xuất giỏi tham gia công tác khuyến nông.

Giai đoạn này, hệ thống khuyến nông, lâm, ngư phát triển rất mạnh mẽ ở tất cả các cấp. Từ chỗ chỉ có vài trăm người (năm 1993), đã tăng lên gần 14.000 (năm 2004). Ngoài ra, cả nước còn có 3.918 câu lạc bộ khuyến nông với 176.300 hội viên nông dân tự nguyện tham gia theo hướng dẫn của cán bộ khuyến nông nhà nước.

Hoạt động khuyến nông triển khai theo 19 chương trình khuyến nông trọng điểm quốc gia, tập trung hỗ trợ phát triển kinh tế nông hộ và xoá đói giảm nghèo;



Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Nguyễn Công Tấn thăm ngô đông trên đất lúa tại Vinh Phúc, năm 1996



Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Bùi Bá Bổng thăm mô hình trồng thanh long ruột đỏ tại Hà Nội, năm 2009

hướng dẫn nông dân ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi có ưu thế lai tốt, có thời gian sinh trưởng ngắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tăng vụ, tăng năng suất, sản lượng.

Nhờ áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ kết hợp với chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ đã góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ, tăng năng suất, sản lượng, giá trị trên mỗi đơn vị diện tích; thúc đẩy phong trào xây dựng cánh đồng thu nhập 50 triệu đồng/ha, thậm chí hàng trăm triệu đồng/ha/năm phát triển rộng khắp trên toàn quốc, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống người nông dân.

Phát triển hệ thống từ trung ương tới cơ sở

Để công tác khuyến nông tiếp tục phát triển, bám sát thực tiễn sản xuất, đồng hành với người nông dân, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2005/NĐ-CP ngày 26/4/2005 và Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 để phát triển hệ thống khuyến nông từ trung ương tới cơ sở.

Ở Trung ương, năm 2003, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Bộ Thủy sản thành lập Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ quản lý nhà nước về



Các mốc son đánh dấu quá trình phát triển của Trung tâm KNQG

khuyến nông, khuyến ngư. Đến năm 2008, khi Quốc hội, Chính phủ quyết định hợp nhất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Thủy sản, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia được sáp nhập thành Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quốc gia. Đến năm 2010, đổi tên thành Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, là đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ công tác quản lý nhà nước về khuyến nông của Bộ và đầu mối triển khai thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông trung ương trên phạm vi cả nước.

Ở địa phương, cấp tỉnh có Trung tâm khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ở cấp huyện có Trạm khuyến nông trực thuộc Trung tâm khuyến nông tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân huyện; ở xã, phường, thị trấn có sản xuất nông nghiệp có khuyến nông viên; ở thôn, bản, phum, sóc có cộng tác viên khuyến nông và câu lạc bộ khuyến nông.

Tính đến năm 2015, tổng số cán bộ khuyến nông trên toàn quốc là 36.812 người (trong đó: cấp trung ương là 92 người, cấp tỉnh là 2.114 người, cấp huyện là 4.347 người, cấp xã là 8.880 người, cấp thôn bản là 21.379 người) và khoảng 3.000 câu lạc bộ khuyến nông với số lượng hàng trăm ngàn nông dân ở các vùng, miền trong cả nước.

Trong giai đoạn này, hoạt động khuyến nông chuyển dần sang chú trọng hỗ trợ các đối tượng nông dân sản xuất hàng hoá, áp dụng kỹ thuật thâm canh hợp lý và công nghệ hiện đại để tăng chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, đồng thời chú trọng bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý nông trại và kiến thức về thị trường cho nông dân để tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản



Bộ trưởng Bộ NN và PTNT Lê Minh Hoan: “Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông”

phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế, tăng thu nhập cho nông dân và đảm bảo phát triển bền vững.

Sắp xếp, tinh gọn hệ thống, chuyển biến về chất

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, từ năm 2018 đến nay, các địa phương đã tiến hành rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các cấp, trong đó có hệ thống khuyến nông theo hướng như sau:

Cấp tỉnh: Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ, tinh gọn bộ máy tổ chức khuyến nông cấp tỉnh; hợp nhất tổ chức khuyến nông với các đơn vị sự nghiệp khác trong ngành Nông nghiệp để giảm đầu mối.

Cấp huyện: Hợp nhất Trạm Khuyến nông, Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y để thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện và bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện quản lý (36 tỉnh, thành phố đã tiến hành hợp nhất); hoặc tổ chức lại các Trạm khuyến

nông huyện thành Trạm khuyến nông liên huyện hoặc Trạm khuyến nông khu vực (03 tỉnh).

Cấp cơ sở (xã, thôn): Tổ chức lại lực lượng cán bộ khuyến nông cơ sở thành các tổ khuyến nông cộng đồng theo Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (đến nay đã có 43 tỉnh đang triển khai áp dụng).

Công tác khuyến nông giai đoạn này tập trung triển khai gắn với các chương trình trọng tâm, trọng điểm của ngành theo hướng chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, với các nhiệm vụ như chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất phục vụ để án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phát triển các sản phẩm quốc gia, chủ lực của ngành và phát triển các sản phẩm đặc sản, thế mạnh của từng địa phương theo chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ sản xuất cho người nông dân, góp phần xây dựng người nông dân chuyên nghiệp...

Định hướng phát triển hệ thống tổ chức khuyến nông Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Chính phủ đã giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Chiến lược phát triển khuyến nông Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2050, với mục tiêu nhằm củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức khuyến nông nhà nước xuyên suốt từ trung ương đến cơ sở.

Trong giai đoạn tới, mục tiêu của ngành Nông nghiệp là xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Khuyến nông cần được coi là quốc sách hàng đầu để nâng cao “nông trí” và chuyên nghiệp hóa người nông dân. Vai trò của hệ thống khuyến nông không chỉ đơn thuần là kết nối, chuyển giao khoa học kỹ thuật, mà quan trọng hơn còn có ý nghĩa mang tính chính trị, an sinh xã hội, đặc biệt là đối với vùng sâu, vùng xa. Chúng ta tin tưởng rằng, hệ thống khuyến nông Việt Nam sẽ tiếp tục được củng cố và phát triển để thực hiện sứ mệnh của mình theo phương châm “Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông”. □

TT KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

“A CÒNG” - THƯƠNG HIỆU CỦA KHUYẾN NÔNG

Ngày nay, khi nói đến Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp thì từ bà con nông dân, cán bộ khuyến nông đến các nhà quản lý, nhà khoa học nông nghiệp đều hiểu đó là một thương hiệu trong hoạt động thông tin tuyên truyền của khuyến nông rất quen thuộc và hữu ích với nhà nông. Để xây dựng được thương hiệu đó có sự chung sức của hệ thống khuyến nông cả nước, sự hỗ trợ đặc lực của các nhà khoa học, nhà quản lý và quan trọng nhất là sự tham gia, hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên mọi miền Tổ quốc.

Sự ra đời của một thương hiệu

Xác định khoa học công nghệ là yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển nông nghiệp và nông thôn, công cuộc chuyển giao khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất là nhiệm vụ chính của công tác khuyến nông từ trung ương đến địa phương, thông qua các mô hình trình diễn, đào tạo tập huấn và thông tin tuyên truyền, tư vấn của các chuyên gia đầu ngành đến bà con nông dân nhằm xóa đói giảm nghèo ở vùng khó khăn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả ở vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

Thực hiện chủ trương đó, ngày 18/8/2005, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Báo Nông nghiệp Việt Nam đã xây dựng Chuyên mục “Khuyến nông & Công nghệ” trên trang Khuyến nông - Báo Nông nghiệp Việt Nam nhằm từng bước trang bị kiến thức cần thiết để giúp nông dân sản xuất hiệu quả, bền vững. Ngày 14/9/2005 tại TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Báo Nông nghiệp Việt



Diễn đàn Khuyến nông @ Công nghệ đầu tiên có nông dân tham gia trực tiếp

Nam đã tổ chức lễ ra mắt Ban cố vấn Chuyên mục “Khuyến nông & Công nghệ” có sự tham gia của 15 nhà khoa học với chủ đề đầu tiên là “Những vấn đề sản xuất nông nghiệp trong mùa lũ” được ra mắt bạn đọc trên số báo ra cùng ngày.

Phát triển ý tưởng từ chuyên mục Khuyến nông & Công nghệ, với mong muốn tạo một diễn đàn cho bà con nông dân được tiếp cận, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các nhà quản lý và chuyên gia đầu ngành, ngày 02/11/2005 tại tỉnh Vĩnh Long, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã tổ chức diễn đàn đầu tiên với chủ đề “Sản xuất lúa chất lượng cao” có sự tham gia của gần 150 đại biểu, trong đó 40% là

nông dân sản xuất lúa. Từ diễn đàn này, thương hiệu Khuyến nông @ công nghệ đã ra đời, thương hiệu mà bà con nông dân vẫn gọi dân giã là “A còng”.

Ký tự “@” đã thay cho dấu “&” (và) với ý nghĩa khuyến nông là cầu nối, chuyển tải kiến thức, kỹ thuật, công nghệ mới cho nông dân, đồng thời đây cũng là ký tự mang ý nghĩa của khoa học công nghệ.

Tiếp nối thành công của diễn đàn đầu tiên, năm 2006, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia cùng Báo Nông nghiệp Việt Nam phối hợp với các địa phương tổ chức 12 diễn đàn tại các tỉnh phía Nam. Kết quả, các diễn đàn đã có sức lan tỏa



*Diễn đàn đầu tiên tổ chức tại phía Bắc là ở tỉnh Hà Tây cũ
(nay là thành phố Hà Nội)*

ra các tỉnh phía Bắc và diễn đàn đầu tiên tổ chức tại tỉnh Hà Tây cũ (nay là Thành phố Hà Nội) với chủ đề “Phương pháp gieo đậu tương bằng máy vụ Đông Xuân” (ngày 26/9/2006) đã thu hút trên 200 đại biểu.

Khẳng định một thương hiệu khuyến nông

Đáp ứng nguyện vọng của bà con nông dân, từ đó đến nay, hằng năm. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đều duy trì tổ chức hơn 20 Diễn đàn Khuyến nông. Năm 2010, Diễn đàn Khuyến nông @ công nghệ được đổi tên thành Diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp với ý nghĩa khuyến nông không chỉ chuyển giao khoa học công nghệ mà còn chú trọng đến quản lý, gắn sản xuất với thị trường, phát triển nông nghiệp và bảo vệ môi trường. Diễn đàn đầu tiên sau khi đổi tên có chủ đề “Trồng xen ca cao trong vườn điều” tổ chức tại tỉnh Bình Phước (ngày 20/3/2010).

Trải qua gần 20 năm, thương hiệu “a công” khuyến nông đã trở thành thân thuộc với hệ thống khuyến nông và bà con nông dân trên mọi miền tổ quốc. Hệ thống khuyến nông từ trung ương đến

địa phương hằng năm đều tổ chức Diễn đàn ở các quy mô vùng, tỉnh, huyện... Ở trung ương, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã tổ chức trên 350 diễn đàn với nhiều chuyên đề theo các lĩnh vực và nhu cầu thực tế sản xuất bao gồm chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản, cơ giới hóa nông nghiệp và ngành nghề nông thôn. Đây là một sân chơi bổ ích cho người nông dân, cán bộ cơ sở, tại diễn đàn họ được trực tiếp trao đổi với các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà doanh nghiệp về những vướng mắc trong quá trình sản xuất nông nghiệp như kỹ thuật, giống, thị trường, chính sách... được chia sẻ những kinh nghiệm từ thực tiễn sản xuất. Hoạt động này đã thu hút trên 100.000 người tham dự, trung bình khoảng 240 đại biểu/diễn đàn, trong đó trên 70% là nông dân sản xuất. Đặc biệt có những diễn đàn thu hút trên một nghìn đại biểu như: Diễn đàn “*Máy thu hoạch lúa đồng bằng sông Cửu Long*” tổ chức tại Kiên Giang (năm 2007) có 1.100 đại biểu, trong đó có 950 nông dân, hay Diễn đàn “*Cơ giới hoá thu hoạch lúa đồng bằng sông Cửu Long*” tại Đồng Tháp (năm 2008) với 1.050 đại biểu tham dự. Tại các diễn đàn đã có trên 10.000 câu hỏi được giải đáp.

Diễn đàn khuyến nông - hình thức truyền thông được đánh giá là cách làm khuyến nông sáng tạo, mang lại hiệu quả cao và rất phù hợp với nông dân tiếp cận với tiến bộ kỹ thuật và cách làm ăn mới. Thông qua các diễn đàn, những chủ trương, định hướng đã được người dân đón nhận và tạo thành các phong trào lớn.

Như phong trào xây dựng cánh đồng 50 triệu do Bộ Nông nghiệp và PTNT phát động, bên cạnh các mô hình cách đồng 50 triệu đồng/ha/năm, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã tổ chức 28 diễn đàn về chuyển đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi; hướng dẫn tìm các giải pháp canh tác hiệu quả, bền vững; cùng hàng nghìn bài báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đã tạo thành phong trào sâu rộng thậm chí hàng trăm triệu đồng/ha/năm phát triển rộng khắp trên toàn quốc, nâng giá trị sản xuất bình quân trên 1ha đất canh tác tăng từ 10,5 triệu đồng (1995) lên 42,7 triệu đồng/ha (2010) và 95 triệu đồng năm 2020.

Hay chủ trương đẩy mạnh “Cơ giới hoá trong sản xuất lúa”, đã có 15 diễn đàn với trên 6.000 đại biểu của 121 lượt tỉnh/thành tham gia, cùng với 7 hội thi về cơ giới hoá trong sản xuất lúa cho 55 lượt tỉnh/thành đã đẩy lên phong trào cơ giới hoá và xây dựng tổ hợp tác dịch vụ cơ giới hoá - một khâu quan trọng trong nâng cao năng suất và giá trị gia tăng cho hạt gạo Việt Nam; đã góp phần vào đưa tỷ lệ cơ giới hoá trong sản xuất lúa trên cả nước năm 2008 máy làm đất: 75%, gieo cấy: 5%, thu hoạch: 15% tăng lên lần lượt là máy làm đất: 95%, gieo cấy: 45%, thu hoạch: 40% vào năm 2019.

Từ những diễn đàn tổ chức trong hội trường, đến những diễn đàn ngoài đồng ruộng và trong thời Covid-19 là những diễn đàn online đã là địa chỉ tin cậy



Diễn đàn Online thời điểm dịch Covid 19



Truyền thông đồng hành cùng “a còng”



Trung bày giới thiệu sản phẩm khuyến nông tại các Diễn đàn



Người dân like stream trực tiếp để chia sẻ thông tin



Tại các diễn đàn, các chuyên gia thao tác, hướng dẫn trên mẫu vật, người dân có thể quan sát trực tiếp để tiếp cận thông tin



tư vấn sản xuất cho người nông dân. Đồng hành với thương hiệu “a còng” là hệ thống truyền thông đại chúng, trên 90% các diễn đàn có sự tham gia đưa tin của các phương tiện truyền thông đại chúng như truyền hình, phát thanh, báo viết đã mở rộng phạm vi lan tỏa, tiếp cận của người dân ngoài hội trường của Diễn đàn với những chủ trương, chính sách, những tiến bộ kỹ thuật phục vụ cho sản xuất, phát triển nông nghiệp, nông thôn. Điển hình như

chương trình “Bạn của nhà nông” trên VTV2, chương trình “khuyến nông” trên VTC16... là những mũ sóng luôn đồng hành với các chương trình “a còng” khuyến nông trong gần hai chục năm qua.

Thương hiệu “a còng” cùng những hoạt động khác trong công tác thông tin tuyên truyền khuyến nông thời gian qua đã không chỉ vượt qua giới hạn ban đầu là truyền thông khuyến khích phát triển nông nghiệp, mà còn

đảm nhận cả việc nâng cao nhận thức và vai trò nông dân, nông nghiệp, nông thôn; tạo sự đồng thuận của cả xã hội ủng hộ tam nông; trở thành diễn đàn cung cấp sáng kiến cho công cuộc tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới, mở rộng giao lưu hợp tác lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam với thế giới. □

ĐỖ TUẤN

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

“BẢN TIN KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM” NGƯỜI BẠN TIN CẬY CỦA BÀ CON NÔNG DÂN

LTS: Năm 2023 - kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Hệ thống Khuyến nông Việt Nam cũng là sắp tới kỷ niệm 30 năm Bản tin Khuyến nông Việt Nam xuất bản số đầu tiên. Là kênh thông tin quan trọng trong hoạt động thông tin tuyên truyền của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, những năm qua Bản tin Khuyến nông Việt Nam luôn đồng hành, sát cánh và trở thành người bạn tin cậy của bà con nông dân.

Thực hiện Nghị định số 13/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ, hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư được tổ chức đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc và phát triển mạnh mẽ ở tất cả các cấp.

Ngày đó, ở Cục Khuyến nông thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chỉ sau 1 năm thành lập hệ thống khuyến nông, tháng 11 năm 1994, ấn phẩm “Thông tin Khuyến nông Việt Nam” chính thức ra mắt số đầu tiên. Sự ra đời của Bản tin đã đáp ứng kịp thời nguyện vọng của cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, người sản xuất nông nghiệp cả nước. Đây cũng là diễn đàn chung của hệ thống khuyến nông Việt Nam, góp phần chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất và tăng thu nhập cho nông dân, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông. Khi ấy Cục trưởng Nguyễn Ngọc Thuý đã tin tưởng và kỳ vọng “Thông tin Khuyến nông Việt Nam thực sự là người bạn của nông dân”.

Ở Trung tâm Khuyến ngư Trung ương thuộc Bộ Thủy sản, sau một thời gian hoạt động, năm 2001 bộ máy của Trung tâm được kiện toàn. Ngay từ những ngày đầu thành lập, Giám đốc Trung tâm Trần Văn Quỳnh đã có chủ trương tập trung cho hoạt động thông tin khuyến ngư và xác định phải nhanh chóng xuất bản Bản tin của Trung tâm nhằm phục vụ công tác chỉ đạo của cơ quan ở trung ương,



Trải qua các dấu mốc thời gian, Bản tin khoác lên mình rất nhiều diện mạo

cung cấp cho hệ thống khuyến ngư cả nước các thông tin về công nghệ và kỹ thuật mới, về thị trường, tiến tới hình thành mạng lưới thông tin khuyến ngư để các đơn vị và đội ngũ những người làm công tác khuyến ngư có thể truy cập thông tin thường xuyên. Và thế là “Thông tin Khuyến ngư Việt Nam” - số đầu tiên đã ra đời chỉ vài tháng sau khi Trung tâm ổn định bộ máy tổ chức. Bộ trưởng Bộ Thủy sản Tạ Quang Ngọc khi đó đã gửi gắm niềm hy vọng đối với Bản tin “Ngay từ số đầu đã thực sự thiết

thực, trở thành người bạn tin cậy của lao động nghề cá nước ta”.

Tính đến nay, kể từ ngày ra số đầu tiên, qua các thời kỳ với những tên gọi khác nhau, “Bản tin Khuyến nông Việt Nam” đã trưởng thành, bước sang tuổi ba mươi!

Ba mươi năm - một chặng đường lịch sử vẻ vang cùng hệ thống khuyến nông Việt Nam. Từ số đầu tiên năm 1994, định kỳ 1 quý/số với 32 trang, rồi 64 trang, đến giai đoạn 2004 - 2010, Bản tin Khuyến nông Việt Nam xuất bản

với tần suất tăng liên tiếp lên từ 1 số, 2 số, 3 số rồi đến 4 số/tháng với số lượng in liên tục tăng 5.000 - 7.000 - 10.000 bản/số. Những năm gần đây, nhờ ứng dụng công nghệ số Trung tâm Khuyến nông Quốc gia xuất bản ổn định 1 số/tháng, in 5.000 bản/số và đăng tải bản điện tử trên trang web khuyến nông Việt Nam (khuyennongvn.gov.vn) để bạn đọc dễ dàng tìm đọc, cập nhật thông tin kịp thời. Đến nay, Bản tin Khuyến nông Việt Nam đã xuất bản 250 số Bản tin với hơn 1 triệu bản in, gần 20 nghìn tin, bài. Hiện nay, trung tâm khuyến nông các tỉnh đều xuất bản định kỳ Bản tin Khuyến nông của tỉnh với tần suất 1 quý/số.

Bản tin Khuyến nông Việt Nam đã không ngừng phát triển, đổi mới cả về nội dung và hình thức, được ví như là cẩm nang giúp cán bộ khuyến nông và nông dân nắm bắt thông tin chủ trương, chính sách, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, giới thiệu mô hình điển hình, thông tin hoạt động khuyến nông các địa phương, thông tin hoạt động khuyến nông ở các nước, thông tin giá cả thị trường nông nghiệp. Sau này, theo yêu cầu nhiệm vụ mới của ngành, Bản tin điều chỉnh và mở thêm một số chuyên mục như Sự kiện khuyến nông, Xây dựng nông thôn mới, Đào tạo nghề cho lao động nông thôn... Nhưng có thể nhận thấy một cách khái quát rằng nội dung tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới các lĩnh vực sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chiếm số lượng bài nhiều nhất.

Để tổ chức triển khai việc xuất bản Bản tin, các đồng chí lãnh đạo Trung tâm đều tham gia Ban Biên tập. Ngoài ra, Trung tâm còn tuyển chọn các cử nhân báo chí, biên tập, các chuyên gia để trực tiếp “xâu đầu mối” công việc; cùng các kỹ sư chuyên ngành thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi ... tất cả đều có chuyên



Dù ở thời điểm nào, Bản tin vẫn luôn là người bạn tin cậy của bà con nông dân

môn và khả năng nắm bắt nhanh đảm bảo cho Bản tin vận hành đi đúng với hướng chỉ đạo của Bộ và lãnh đạo Trung tâm.

Ngay từ số đầu tiên, *Bản tin Khuyến nông Việt Nam* đã xác định rõ đường hướng xuất bản của ấn phẩm là “nội dung đa dạng, ngôn ngữ dễ hiểu, trình bày trang nhã” nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin trong lĩnh vực sản xuất và để dễ dàng đến được với đông đảo người đọc và nông, ngư dân cả nước.

Phải thừa nhận rằng, sẽ không dễ dàng gì khi phải đảm bảo xuất bản thường xuyên Bản tin với thời hạn phát hành được ấn định nếu không tổ chức được đội ngũ rộng rãi cộng tác viên. Ban Biên tập Bản tin đã làm tốt việc này. Ngoài những “cây viết” trong Trung tâm và những thông tin từ các đơn vị của Bộ cung cấp, Bản tin còn có mạng lưới cộng tác viên là “bổ ruột” trong việc gửi tin, bài, ảnh từ nhiều miền đất nước. Bên cạnh đó, còn có các thông tin do chính những người sản xuất gửi về Bản tin, đem đến hơi thở nóng hổi của đời sống sản xuất.

Có thể nói, trong số các ấn phẩm thông tin của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bản tin Khuyến nông luôn được đánh giá cao vì tính thiết thực, gần gũi của ấn phẩm đối với đời sống của bà con nông dân, được coi là người bạn đồng hành không chỉ của cán bộ

khuyến nông ở các địa phương mà còn của đông đảo nông dân trên khắp các vùng địa lý và sinh thái trong cả nước, đưa đến cho họ những thông tin bổ ích, thiết thực, “giúp họ tự giúp họ” như phương châm hoạt động của khuyến nông, để họ có thể thu được kết quả tốt nhất trong lao động sản xuất, góp phần xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu.

Hiện nay, ngoài việc xuất bản định kỳ Bản tin Khuyến nông Việt Nam, Phòng Thông tin tuyên truyền - Trung tâm Khuyến nông Quốc gia còn đảm nhận nhiều công việc khác như xây dựng ấn phẩm khuyến nông, trang web khuyến nông Việt Nam, tổ chức sự kiện khuyến nông, phối hợp tuyên truyền với các cơ quan truyền thông đại chúng ngày càng hiệu quả và lan toả sâu rộng.

Chúng tôi có niềm tin rằng, hoạt động truyền thông khuyến nông sẽ gặt hái được nhiều thành công hơn nữa với đội ngũ cán bộ có năng lực và “có lửa” trong hành động, cùng với sự dẫn dắt của lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia - những người đầy tâm huyết với sự nghiệp khuyến nông của nước nhà, tiếp tục là người đồng hành cùng nông dân cả nước trên con đường phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. □

NGUYỄN THỊ THU HẰNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

KHUYẾN NÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NHỮNG DẤU ẤN TRONG CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KỸ THUẬT

Qua 30 năm trưởng thành và phát triển với nhiều khó khăn, thách thức nhưng Trung tâm Khuyến nông Thành phố Hồ Chí Minh đã tích cực hoạt động, liên tục cải tiến và đã đạt nhiều thành tích đáng ghi nhận. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật dần trưởng thành qua các thời kỳ, đã tích lũy nhiều kinh nghiệm quý báu trong thực tiễn và tạo được niềm tin trong nhân dân. Những dấu ấn trong công tác chuyển giao kỹ thuật tới người dân của khuyến nông Thành phố Hồ Chí Minh được ghi dấu theo từng giai đoạn.

Giai đoạn 1993 – 1998, sản xuất nông nghiệp của thành phố có quy mô nông hộ là chính. Vì vậy, khuyến nông thời kỳ này tập trung hỗ trợ nông dân giải quyết các vấn đề phát sinh trong sản xuất, hướng dẫn canh tác đúng kỹ thuật, cải thiện dần các tập quán canh tác lạc hậu. Đồng thời, từng bước giới thiệu một số giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao để khuyến cáo thay thế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

Nhờ sự phối hợp tốt của bà con nông dân trong việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật do khuyến nông khuyến cáo, năng suất, chất lượng nông sản được cải thiện đáng kể, thu nhập của nông dân tăng lên. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng từ 24 triệu đồng/ha/năm (1997) lên 32 triệu đồng/ha/năm vào năm 2000. Nhiều hộ nông dân thoát nghèo và có hơn 1.500 hộ nông dân xây dựng các mô hình sản xuất theo khuyến cáo đã vươn lên làm giàu, có hộ đạt thu nhập gần 60 triệu đồng/ha/năm.

Giai đoạn 1999 – 2005, khuyến nông thành phố đã cùng các ban,



Mô hình trồng dưa lưới do Trung tâm triển khai



Mô hình trồng lan Dendrobium tại huyện Củ Chi

ngành địa phương và bà con nông dân thực hiện thắng lợi chuyển đổi vùng đất phèn nhiễm mặn tại các huyện Cần Giờ, Nhà Bè sang nuôi tôm sú, tạo sản lượng hàng hoá xấp xỉ 8.000 tấn/năm, giá trị sản lượng trên 500 tỉ đồng, lợi nhuận của nông dân tăng lên từ 52 - 200 lần so với trồng lúa. Bên cạnh con tôm, hoạt động khuyến nông đã góp phần tăng nhanh đàn bò sữa, từ 25.000 con năm 2000 tăng lên gần 50.000 con vào năm 2005, tăng bình quân 14,5 % năm. Bò sữa trở thành vật nuôi chủ lực, sản phẩm sữa trở thành nông

sản hàng hoá. Hoạt động khuyến nông trên cây rau cũng góp phần phát triển diện tích rau an toàn tăng nhanh, từ 200 ha năm 2001 lên trên 2.000 ha vào năm 2005. Đến cuối giai đoạn, vùng ngoại thành đã có hơn 300 nhà lưới để trồng rau an toàn, nhân rộng gấp 05 lần mô hình trình diễn của khuyến nông.

Giai đoạn 2006 – 2015, Thành phố đã phê duyệt nhiều quyết định về Chương trình nông nghiệp trọng điểm phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo

hướng đô thị; các đề án về xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp quy mô cấp xã tại 13 xã - phường. Nội dung thực hiện là tiếp tục tập trung nhiều hơn cho các đối tượng chủ lực (rau an toàn; hoa, cây kiểng; bò sữa; thủy sản, cá cảnh), có hiệu quả, đủ sức thuyết phục nông dân chuyển đổi đất lúa và phát triển nông nghiệp đô thị, xây dựng nông thôn mới.

Nhờ bước chuyển biến này, đã tạo được các sản phẩm nông nghiệp đô thị đặc trưng và mang tính hàng hoá. Sản xuất ngày càng ổn định, chuyên nghiệp và hiện đại hơn. Khuyến nông đã tích cực hỗ trợ, phát triển các mô hình sản xuất hiệu quả tại các xã xây dựng nông thôn mới, đóng góp thiết thực vào việc thực hiện tiêu chí nâng cao thu nhập cho nông dân. Hàng năm có khoảng 10.000 lượt nông dân được tham gia trực tiếp và hưởng lợi từ các hoạt động khuyến nông.

Giai đoạn 2016 đến nay, Trung tâm tập trung chuyển giao các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thông qua việc cử cán bộ kỹ thuật tham gia các khóa học; tổ chức nhiều lớp dạy nghề ứng dụng công nghệ cao cho nông dân thành phố. Khuyến nông hỗ trợ nông dân sản xuất, nâng cao thu nhập thông qua các hoạt động: Chuyển giao khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật tới nông dân; Xây dựng các mô hình chuyển đổi từ đất trồng lúa, mía sang các cây trồng vật nuôi hiệu quả khác theo hướng ưu tiên sản phẩm chủ lực của ngành, trình diễn ứng dụng công nghệ tiên tiến, chuyển giao giống an toàn dịch bệnh, chất lượng, chuyển giao quy trình kỹ thuật, phương pháp tổ chức quản lý phù hợp, nhằm nâng cao hiệu



Mô hình cơ giới hóa- sử dụng máy gieo hạt trong trồng rau ăn lá



Mô hình nuôi cá chép Koi thương phẩm tại huyện Bình Chánh

quả sản xuất và nhân rộng cho bà con nông dân, trong đó ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

Với những nỗ lực như trên, hoạt động khuyến nông thành phố Hồ Chí Minh đã tạo nên các thành quả như: Nhận thức và trình độ sản xuất của bà con nông dân được nâng cao; Nông dân thành phố không chỉ được bồi dưỡng về kiến thức sản xuất mà còn được nâng cao về ý thức trách nhiệm với cộng đồng trong sản xuất; Sản phẩm nông nghiệp thành phố ngày càng mang tính đặc trưng đô thị, sản phẩm OCOP đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng thành phố; Sản xuất nông nghiệp của thành phố không chỉ chuyển dịch đúng hướng mà còn được đổi mới bởi các phương thức sản xuất phù hợp và tăng cường áp dụng công

nghệ số, góp phần tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích, tăng thu nhập cho nông dân.

Thời gian tới, để thực hiện thành công nhiệm vụ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp số, nông nghiệp tuần hoàn... Khuyến nông tiếp tục thể hiện vai trò của mình trong việc góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân, chuyển giao những mô hình hay và hiệu quả; vận động khuyến khích nông dân tổ chức sản xuất theo chuỗi, đầu tư công nghệ cao, thực hiện chuyển đổi số.... góp phần thắng lợi mục tiêu mà ngành nông nghiệp thành phố đề ra. □

TTKN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHUYẾN NÔNG HÀ NAM BƯỚC ĐƯỜNG TRƯỞNG THÀNH VỮNG CHẮC

Hệ thống khuyến nông Hà Nam được thành lập từ năm 1997, trải qua 26 năm hình thành và phát triển đã có những bước trưởng thành vững chắc và giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp nông thôn tỉnh Hà Nam.

Những năm đầu hoạt động, công tác khuyến nông của Hà Nam gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh của một tỉnh mới thành lập. Tuy nhiên, do thấy rõ được vai trò nhiệm vụ cấp bách của toàn ngành nông nghiệp phải đạt năng suất cao để đảm bảo lương thực, nên khuyến nông đã dốc sức cùng ngành nông nghiệp tuyên truyền vận động bà con tăng gia sản xuất. Cán bộ khuyến nông trực tiếp tư vấn hỗ trợ, hướng dẫn họ quy trình kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt.

Từ năm 2000 - 2009, công tác khuyến nông thật sự được quan tâm chú trọng. Rất nhiều mô hình chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản, lâm nghiệp được xây dựng làm điểm để tuyên truyền vận động bà con làm theo, như: mô hình ngô, đỗ tương, cà chua, dưa chuột, cây keo tượng; mô hình dê đồng bằng; lợn siêu nạc, bò Laisind, các giống gà lai; tôm càng xanh, cá chim trắng, cá rô phi tính đực, cá lóc bông; Nổi bật của giai đoạn này là đưa tiến bộ kỹ thuật gieo thẳng lúa bằng công cụ sạ hàng với ưu điểm giúp giải phóng công lao động cho bà con, giảm chi phí gieo cấy và giải quyết vấn đề áp lực thời vụ, lại cho năng suất cao.

Ngoài ra, Trung tâm cũng đã phối hợp với các tổ chức phi chính phủ, Trung tâm khảo nghiệm giống, Viện cây lương thực để triển khai các dự án nông nghiệp



Lãnh đạo Trung tâm KN Hà Nam tham gia lễ khởi công dự án nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch trải nghiệm

bảo tồn giống cây ăn quả bản địa, triển khai các mô hình trình diễn khảo nghiệm các giống lúa, trong đó phải kể đến sự thành công của sản xuất lúa lai F1. Chương trình lúa lai đã giúp chủ động một phần giống lúa lai trong tỉnh, đảm bảo chất lượng giống với giá thành hạ, mang lại hiệu quả cho người nông dân cả về mặt kinh tế và mặt xã hội, giải được bài toán về năng suất.

Giai đoạn từ 2010 - 2020, Trung tâm đã bám sát các chủ trương định hướng, chỉ đạo của các cấp, các ngành phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững, bảo vệ môi trường; Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; nông nghiệp gắn với du lịch trải nghiệm, xây dựng nông thôn mới, xây dựng các mô hình theo hướng chuyển đổi cây trồng hàng hóa cho hiệu quả kinh tế...

Các mô hình khuyến nông ở giai đoạn này tập trung triển

khai có chiều sâu về chất lượng, sản phẩm của mô hình hướng tới phải đảm bảo an toàn sức khỏe người tiêu dùng và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời tuyên truyền mạnh áp dụng cơ giới hóa để chuyên môn hóa các khâu sản xuất, giảm công lao động thời vụ và giảm chi phí đầu tư. Từ các nguồn kinh phí trung ương và địa phương, Trung tâm đã thực hiện nhiều mô hình chuyển đổi các vùng trũng sang sản xuất đa canh; chăn nuôi theo quy mô trang trại; phát triển mô hình vườn ao chuồng (VAC); chuyển đổi các vùng trồng cây ăn quả; dẫn dắt đổi thửa để tập trung quy hoạch diện tích xây dựng các cánh đồng mẫu lớn; triển khai các mô hình trồng cây hàng hóa, chăn nuôi gà, lợn an toàn trên nền đệm lót sinh học, bảo tồn giống gà Móng Tiên Phong; chăn nuôi an toàn dịch bệnh...

Trong giai đoạn này, từ nguồn vốn trung ương và địa phương, khuyến nông đã triển khai xây



Mô hình nuôi lợn sinh sản áp dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo

dựng thành công rất nhiều mô hình. Đối với lĩnh vực trồng trọt có ngô nếp chất lượng, thanh long ruột đỏ; cà rốt vụ đông; khoai tây, nấm ăn, phát triển sản xuất lúa gieo thẳng; Sử dụng phân nén nhả chậm cho lúa; gieo thẳng bằng công cụ sạ hàng; Sản xuất rau an toàn sử dụng nhà lưới đơn giản; Ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý rơm rạ trực tiếp trên đồng ruộng...

Trong thủy sản có các mô hình: Nuôi ghép cá rô phi đơn tính đực; nuôi ghép cá trắm cỏ làm chính sử dụng chế phẩm sinh học EM; Nuôi cá rô đồng trong ao; thâm canh lươn đồng; luân canh cá – lúa...

Trong chăn nuôi đã chú trọng xây dựng các các mô hình an toàn sinh học: Nuôi gà móng; lợn sinh sản hướng nạc đảm bảo vệ sinh môi trường; Chăn nuôi gà, vịt thịt an toàn sinh học theo hướng VietGAP trên nền đệm lót sinh học. Chăn nuôi áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo kết hợp với thú y cộng đồng; mô hình chăn nuôi lợn an toàn có kiểm soát dịch bệnh để hướng tới xuất khẩu; Kỹ thuật xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi lợn thịt để sản xuất phân hữu cơ và giảm thiểu ô nhiễm môi trường...

Bám sát chủ trương đẩy mạnh cơ giới hóa, hiện đại hóa trong sản

xuất nông nghiệp, khuyến nông tập trung tuyên truyền, xây dựng các mô hình cơ giới hóa như máy gặt đập liên hợp, máy làm đất, công cụ sạ hàng, máy bay không người lái trong khâu phun thuốc bảo vệ thực vật; mạ khay, máy cấy... Rất nhiều mô hình chăn nuôi trồng trọt, thủy sản đã kể đến đều được liên kết 4 nhà, gắn với tiêu thụ sản phẩm, giúp nông dân ổn định đầu ra, yên tâm sản xuất. Đặc biệt từ năm 2021, khuyến nông thêm nhiệm vụ quản lý 7 khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng diện tích gần 640 ha, phục vụ trong các chuỗi cửa hàng và siêu thị, tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động địa phương.

Có thể thấy, sự phát triển nông nghiệp của tỉnh Hà Nam hiện nay có sự đóng góp không nhỏ của hoạt động khuyến nông trong nhiều năm qua. Những thành tích điển hình qua từng giai đoạn của khuyến nông là những món quà ý nghĩa trong dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Hệ thống khuyến nông Việt Nam. □

MAI HUỆ

Trung tâm Khuyến nông Hà Nam



PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở LÂM ĐỒNG LỰC LƯỢNG KHUYẾN NÔNG LÀ NÒNG CỐT

Trong những năm qua, khuyến nông Lâm Đồng đã có những đóng góp tích cực trong việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và nông nghiệp hữu cơ. Nhờ vậy, đã góp phần đưa giá trị sản xuất bình quân trồng trọt đạt 245 triệu đồng/ha, trong đó doanh thu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đạt bình quân 463 triệu đồng/ha. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác rau ứng dụng công nghệ IoT đạt trên 2 tỷ đồng/ha/năm; sản xuất hoa ứng dụng công nghệ IoT đạt trên 3 tỷ đồng/ha/năm. Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh chiếm khoảng 48,9% tổng giá trị sản xuất của ngành trồng trọt.

Lực lượng khuyến nông tỉnh Lâm Đồng là một trong những lực lượng nòng cốt, là cầu nối trong việc chuyển giao, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới đến với người nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp. Đây cũng là lực lượng tham gia thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới; đổi mới tổ chức sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

Đến thời điểm này, nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tiếp tục được phát triển mạnh mẽ theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu, đã hình thành, công nhận được 11 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 16 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, có 66.150 ha sản xuất đạt tiêu chí công nghệ cao, tăng 3.042 ha so với năm 2021 tương ứng 22% diện tích canh tác toàn tỉnh.



Sản xuất cây giống ứng dụng công nghệ cao



Sản xuất cà chua Beef ứng dụng công nghệ cao

Mức độ ứng dụng công nghệ cao có tính đa dạng với nhiều kỹ thuật tiên tiến: Toàn tỉnh đã có 46.920 ha tưới tiên tiến tiết kiệm nước. Canh tác rau, hoa trên giá thể đạt trên 718 ha; 56 cơ sở nuôi cấy mô thực vật, hàng năm cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước trên 72,32 triệu cây giống cấy mô các loại; Có trên 160 ha nhà kính nhập khẩu với công nghệ hiện đại tích hợp được các công nghệ thông minh có giá trị đầu tư trên 01 triệu USD/ha; Khâu gieo ươm giống rau, hoa đã được cơ giới hóa cho năng suất lao động tăng gấp 5 - 7 lần so với làm thủ công...

Bên cạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp

thông minh đã có những bước phát triển mạnh mẽ về quy mô cây trồng, vật nuôi giúp người sản xuất thiết lập dữ liệu trên phần mềm điện tử đối với các yếu tố vi khí hậu, môi trường, dinh dưỡng của cây trồng, đồng thời giám sát và điều khiển bằng hệ thống cảm biến IoT; cấy chip điện tử theo dõi sức khỏe vật nuôi.... Ứng dụng nông nghiệp thông minh giúp cây trồng, vật nuôi sinh trưởng tối ưu, cho năng suất cao, chất lượng sản phẩm đảm bảo an toàn và hiệu quả kinh tế, góp phần hiện đại hóa ngành nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng.

Diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ thông minh toàn tỉnh có 630 ha, trong đó



Các mô hình trồng hoa là thế mạnh của tỉnh Lâm Đồng



Sản xuất rau hữu cơ của Trang trại Thiên Sinh ở xã Tu Tra, huyện Đơn Dương



Trang trại bò sữa Vinamilk Organic Đà Lạt

có 172 ha ứng dụng công nghệ Hortimax Hà Lan (Đà Lạt Hasfarm, Công ty CP PAN Hulich); 10 ha ứng dụng công nghệ CILEME Hà Lan; 06 ha sử dụng công nghệ cảm biến nhập khẩu từ Đài Loan, Italia để canh tác hoa lan hồ điệp; IoT đồng bộ của Israel ...

Đối với phát triển nông nghiệp hữu cơ, đã xác định 171 vùng đủ điều kiện sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh với diện tích 18.980 ha giai đoạn 2021-2025. Xây dựng và ban hành 17 quy trình tạm thời về sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ yếu trên địa bàn tỉnh bao gồm: rau, củ năng, lúa, chè, cà phê, sầu riêng, bơ, chuối, mắc ca, atiso, nấm rơm, đương quy, bò sữa, bò thịt và gà đẻ trứng. Xây dựng 13 mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên các đối tượng chủ lực của tỉnh để người dân học tập và từng bước nhân rộng. Thực hiện khảo sát, đánh giá và đã cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ cho 28 tổ chức, cá nhân với tổng diện tích sản xuất trồng trọt là 1.500 ha với tổng sản lượng ước đạt hơn 2.500 tấn/năm. Trong chăn nuôi, có 1.045 con bò sữa đạt chứng nhận hữu cơ với sản lượng khoảng 5.200 tấn sữa và 955 con bò sữa đang trong giai đoạn chuyển đổi hữu cơ.

Thời gian tới, tỉnh Lâm Đồng sẽ chủ động nắm bắt cơ hội để phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học, đồng bộ công nghệ IoT, công nghệ thông minh, nông nghiệp hữu cơ gắn với chuỗi liên kết bền vững để tăng nhanh năng suất lao động và chất lượng sản phẩm nông nghiệp. □

TT KHUYẾN NÔNG LÂM ĐỒNG

KHUYẾN NÔNG NGHỆ AN 30 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

Nhìn lại chặng đường gần 30 năm hình thành, xây dựng và phát triển, Trung tâm Khuyến nông Nghệ An đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật (KHKT), góp phần vào thắng lợi chung của ngành nông nghiệp tỉnh Nghệ An.

Tính đến năm 2019, hệ thống mạng lưới khuyến nông Nghệ An khá hoàn chỉnh với 4 cấp gồm: khuyến nông cấp tỉnh 48 người, cấp huyện có 129 người, cấp xã 467 người; khuyến nông viên thôn, bản là 5.104 người. Hiện nay, mặc dù được tổ chức, sắp xếp lại, đây vẫn là lực lượng nòng cốt tiếp tục hỗ trợ và triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất nông nghiệp và chuyển giao các tiến bộ KHKT tại địa phương.

Về hoạt động xây dựng mô hình: Trung bình mỗi năm, Trung tâm xây dựng 25 - 30 dạng mô hình trình diễn để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho 33.600 hộ dân tham gia, với nhiều giống cây trồng vật nuôi mới, quy mô trên 6.000 ha đất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản; hơn 180 nghìn con gia súc, gia cầm, giống thủy sản các loại,... Điều này đã góp phần làm tăng nhanh năng suất, sản lượng và chất lượng các loại cây trồng, vật nuôi và giá trị sản phẩm trên một diện tích, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp. Qua đánh giá thực tế cho thấy, số mô hình được nhân rộng đạt tỷ lệ 78,1%. Một số mô hình nổi bật như: Mô hình sản xuất và thâm canh các giống lúa chất lượng cao Japonica, NA6, NA9, TBR225...; Mô hình sản xuất các loại rau, nấm ăn theo VietGap; Mô hình thâm canh



Lãnh đạo tỉnh tham quan các gian hàng cam Vinh



Mô hình trồng chè tại huyện Anh Sơn



Những cánh đồng rau vụ đông ở xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu

cam theo tiêu chuẩn VietGAP; Mô hình chăn nuôi bò thịt, lợn thịt, gà thịt, bò sinh sản gắn với trồng cỏ, gà sinh sản, dê sinh sản ...; Mô hình nuôi tôm thẻ, cá rô phi theo hướng VietGap; Nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa; Mô hình ứng dụng máy dò ngang trong khai thác hải sản xa bờ, Mô hình ứng dụng công nghệ chiếu sáng bằng đèn LED để khai thác hải sản xa bờ cho tàu chụp 4 tầng gông kết hợp ánh sáng,

Về thông tin tuyên truyền: Xây dựng và phát sóng 813 trang phóng sự, chuyên đề trên Đài Truyền hình, truyền thanh tỉnh; 21 trang nhật cầu nhà nông; 366 trang khuyến nông và 102 trang điện tử trên báo Nghệ An; In ấn 143.615 Tập san Thông tin Khuyến nông, 66 vạn tờ gấp kỹ thuật; Tổ chức hàng chục diễn đàn, hàng trăm cuộc hội thảo, tham quan học tập kinh nghiệm.

Về tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông và nông dân: Tổ chức được 14.251 lớp với 806.113 lượt cán bộ khuyến nông các cấp và nông dân tham gia. Đặc biệt, từ năm 2020 – 2022, đào tạo 329 lớp nâng cao năng lực cho cán bộ chủ chốt cấp thôn/xóm/bản cho 13.840 lượt người; Phối hợp tổ chức 268 lớp cho 13.400 lượt hội viên, đoàn viên thanh niên tham gia. Ngoài ra, khuyến nông còn thu

hút sự hỗ trợ từ nguồn kinh phí khác tổ chức 862 lớp tập huấn cho 39.652 nông dân.

Về tư vấn dịch vụ nông nghiệp: Đã tư vấn cho hàng ngàn lượt nông dân về xây dựng dự án, tư vấn kỹ thuật, phương pháp triển khai xây dựng mô hình, giới thiệu các địa chỉ cung ứng sản phẩm đầu vào và đầu ra....

Các chương trình Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn và Xây dựng nông thôn mới đều mang lại hiệu quả cao, giúp nông dân thay đổi nếp nghĩ, cách làm để tổ chức sản xuất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Để nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động khuyến nông, Trung tâm phối hợp với các tổ chức trong nước và quốc tế thực hiện một số chương trình dự án nổi bật đó là: Dự án chương trình Hỗ trợ phát triển ngành chăn nuôi ở một số tỉnh Việt Nam từ 2003 - 2020; Dự án “Đào tạo và khuyến nông dựa vào cộng đồng”; Chương trình hỗ trợ phát triển ngành Nông nghiệp (ASDP) vốn vay của Ngân hàng phát triển Châu Á năm 2006 - 2007; Dự án hợp phần Nâng cao năng lực hoạt động khuyến nông cơ sở của dự án KHCN Nông nghiệp, vốn vay ADB; Dự án “Nông nghiệp thông minh thích nghi với biến đổi khí hậu” từ

năm 2010 - 2013 do tổ chức Oxfam tại Việt Nam tài trợ; Dự án phục hồi và quản lý rừng phòng hộ JICA từ năm 2015 - 2018; Dự án áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo kết hợp với thú y cộng đồng nhằm phát triển chăn nuôi lợn theo hướng VietGAHP trong nông hộ từ năm 2015 - 2016; Chương trình khuyến nông người nghèo giai đoạn 2016 - 2020; ...

Đầu tư ngân sách Nhà nước cho khuyến nông gần 30 năm qua tuy không lớn nhưng từ kết quả hoạt động khuyến nông đạt được lại không nhỏ. Thời gian tới, hoạt động khuyến nông Nghệ An sẽ tiếp tục đổi mới toàn diện theo hướng đa dạng, chất lượng và hiệu quả cả về tư duy lẫn phương pháp tiếp cận, sản xuất nông nghiệp gắn chặt với thị trường, với điều kiện hội nhập quốc tế, với liên kết chuỗi giá trị theo quy mô lớn, lấy hiệu quả giá trị gia tăng làm thước đo nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn về công tác khuyến nông phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông dân; Góp phần thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án thuộc Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. □

CAO TUẤN

Trung tâm Khuyến nông Nghệ An



MỘT KỶ NIỆM KHÓ QUÊN TRONG CUỘC ĐỜI LÀM KHUYẾN NÔNG

LTS: Bài viết là lời tâm sự về một kỷ niệm khó quên trong quá trình triển khai kỹ thuật gieo thẳng bằng công cụ sạ hàng của một cán bộ khuyến nông đã có gần 30 năm làm nghề. Anh Võ Đức Quốc hiện là cán bộ của Trạm Khuyến nông thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Năm 1994, ra trường với tấm bằng kỹ sư nông nghiệp, sau đó được tuyển dụng vào Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị, tôi háo hức với công việc mới. Ngày ngày tôi về cơ sở thôn, xã bằng chiếc xe đạp trên những con đường lúc thì bùn lầy khi trời mưa, lúc bụi mịt mù ngày hè nắng lửa; tiếp nhận và triển khai các mô hình khuyến nông đến với bà con nông dân.

Năm 1999, từ Trạm Khuyến nông - Khuyến lâm Triệu Phong, tôi được điều chuyển vào Trạm Khuyến nông - Khuyến lâm Hải Lăng. Thời kỳ này, bà con sử dụng lượng giống gieo sạ trên ruộng rất lớn, từ 7 - 9 kg giống/sào do sợ lúa bị ngập úng sau gieo, ruộng lúa thường bị sâu bệnh từ đầu đến cuối vụ, năng suất rất thấp. Nhiệm vụ tôi được Trạm giao là chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa từ tập huấn, chọn giống, ngâm ủ đúng kỹ thuật, tạo rãnh luống thoát nước, bón phân cân đối và điều tiên quyết là hướng dẫn bà con giảm lượng giống xuống còn 4 - 5 kg/sào mà vẫn đảm bảo được năng suất cao.

Thay đổi một tập quán từ lâu là điều hết sức khó, chúng tôi cũng gặp nhiều phản ứng từ bà con vì kỹ thuật này chưa được chứng minh trên đồng ruộng. Năm 2000, anh Trần Thiên Văn là Trưởng trạm và tôi tìm đọc tài liệu công cụ gieo sạ theo hàng, từ nguồn tài liệu trên báo Nông nghiệp Việt Nam. Qua hình ảnh và mấy dòng văn tắt trên báo, hai anh em đã phác họa mẫu bằng tay, rồi chỉnh sửa thành



Công cụ sạ hàng bằng nhựa khi đưa về được bà con hưởng ứng và chấp nhận ngay vì có nhiều ưu điểm

mẫu hoàn chỉnh và đặt hàng cho thợ cơ khí thực hiện. Chúng tôi tính toán thật kỹ kích cỡ tay kéo, bánh xe, trống đựng giống, lỗ hạt rơi, độ lún trên bùn khi di chuyển và trọng lượng cho phép của công cụ gieo sạ theo hàng. Sau gần 1 tháng chỉnh sửa, công cụ sạ hàng tự sản xuất ra đời có trọng lượng 15 kg. Mô hình sạ hàng đầu tiên được chọn tại HTX Lam Thủy - xã Hải Vĩnh (nay là xã Hải Hưng) với diện tích thực hiện là 2 ha làm điểm trình diễn, có 20 hộ dân tham gia.

Chúng tôi đã xây dựng kế hoạch thực hiện rất cụ thể từ tập huấn, thực hành ngâm ủ giống, làm đất, bón phân, tạo rãnh, thực hành kéo công cụ trên ruộng. Để thuyết phục bà con hưởng ứng tham gia mô hình, huyện đã hỗ trợ giống và 50% định mức phân bón. Tuy nhiên sau đó, có 4 hộ từ chối thực hiện, 6 hộ do ủ thóc giống quá lâu làm rữa ra dài không thực

hiện sạ hàng được. Còn lại 10 hộ tham gia mô hình trên diện tích 01 ha, 01 ha bà con không làm, chúng tôi thống nhất sạ bằng tay để làm đối chứng với ruộng mô hình và quy định lượng giống sạ hàng là 4 kg/sào.

Những lời bàn tán, sự nghi ngờ, những cái lắc đầu không tin tưởng không làm chúng tôi nản lòng; bằng mọi giá quyết tâm phải thực hiện thành công mô hình trên cánh đồng Lam Thủy. Ngày kéo sạ, bà con đến rất đông. Nhìn những hạt lúa rơi khỏi lỗ trống khi quay đều trên ruộng, hình ảnh lạ lẫm này lần đầu người dân được thấy, lòng tôi thật hồi hộp. Giai đoạn đầu sau gieo, so với ruộng đối chứng thì lúa sạ hàng nhìn tổng thể rất thưa cây. Sau 20 ngày, ruộng lúa mô hình bắt đầu sinh trưởng mạnh, cây khỏe. Bắt đầu từ giai đoạn đẻ nhánh thì ruộng mô hình có sự khác biệt rõ rệt so với ruộng đối chứng, cây lúa cao hơn,

đẻ nhánh khỏe, thân lá to hơn với màu xanh mượt. Vì vậy, năng suất thu được vượt trội chúng 15 - 25 kg/sào (3 - 5 tạ/ha).

Đánh giá bước đầu cho thấy công cụ sạ hàng hiệu quả rõ rệt, phù hợp thực tiễn sản xuất lúa vùng Hải Lăng. Tuy nhiên còn một số hạn chế về thiết kế mà chúng tôi rút ra được để rút kinh nghiệm cho những lần sau.

Năm 2002, sau khi tìm hiểu về công cụ sạ hàng bằng nhựa của công ty Hoàng Thắng tại huyện Ô Môn - Cần Thơ, chúng tôi đề xuất tiếp tục xây dựng mô hình sạ hàng và được đồng ý với 10 công cụ sạ hàng cho 5 điểm thực hiện. Công cụ sạ hàng mới bằng nhựa, khi đưa về được bà con hưởng ứng và chấp nhận ngay vì rất nhiều ưu điểm: trọng lượng nhẹ (8 - 10 kg), dễ dàng kéo trên ruộng, giống ra đều và điều chỉnh được mật độ hạt rơi, ít lún, cất giữ bảo quản thuận tiện. Từ năm 2002 đến 2004, các HTX tranh thủ nguồn hỗ trợ đã đăng ký ứng dụng hàng trăm công cụ sạ hàng. Diện tích sạ hàng tăng lên hàng năm, khoảng 1.000 ha

với hơn 25 HTX ứng dụng và duy trì phát triển. Sạ hàng được khẳng định là ưu thế trong phương thức gieo thẳng của bà con nông dân. Từ năm 2005 trở đi, tuy không còn được hỗ trợ từ Nhà nước nhưng bà con đã tự mua công cụ để gieo sạ. Đến nay diện tích ứng dụng sạ hàng trên đồng ruộng tại địa phương đạt gần 3.500 ha/năm.

Hội nghị đầu bờ, hội thảo đánh giá hiệu quả và đề xuất nhân rộng, tôi và anh Văn rất vui mừng vì kỹ thuật mới này được chấp nhận và hưởng ứng mạnh mẽ trên quê hương mình. Bao vất vả, nhọc nhằn, lo lắng, trăn trở đã được đền bù xứng đáng khi thấy hàng vụ, bà con nông dân cần cù kéo sạ trên đồng ruộng, những hàng lúa thẳng đều, sóng lúa dập dờn trong gió và niềm vui được mùa. Trung tâm Khuyến nông tỉnh tiếp tục xây dựng thêm nhiều mô hình ứng dụng công cụ sạ hàng trong sản xuất lúa. Đến nay, huyện thị nào cũng có diện tích lúa áp dụng sạ hàng. Hiệu quả mang lại tính riêng cho sản xuất là rất lớn. Đó là sử dụng công cụ sạ hàng rất lợi

công và nhanh hơn nhiều khi sạ bằng tay, giảm lượng giống gieo, ruộng lúa giảm sâu bệnh rõ rệt, cây sinh trưởng khỏe hơn, khả năng chống chịu tốt hơn, giảm số lần phun thuốc trừ sâu, giảm lượng phân bón ...

Và hôm nay - thay lời cho người anh, người đồng nghiệp Trưởng trạm Khuyến nông tâm huyết với nghề, tôi xin kể lại câu chuyện này như một kỷ niệm khó quên của chúng tôi. Giờ đây, kỷ niệm ba mươi năm ngày thành lập hệ thống khuyến nông Việt Nam, xin gửi lời tri ân những lớp thế hệ cô chú, anh, chị đi trước gắn bó với nghề trong thời kỳ đất nước còn nhiều gian khó, có người đã về hưu vui khỏe bên gia đình, có người đã đi xa và những người còn đang tiếp bước. Mong cho hệ thống khuyến nông luôn vững bền và phát triển như tên gọi thân thương suốt 30 năm đồng hành cùng bà con nông dân. □

VÕ ĐỨC QUỐC
Trạm Khuyến nông thị xã Quảng Trị



KHÁNH HÒA ĐẨY MẠNH CHƯƠNG TRÌNH OCOP GẮN VỚI XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU SẢN PHẨM

Cam Lâm là huyện thuộc phía nam của tỉnh Khánh Hòa, có cây trồng chủ lực là cây xoài. Hàng năm, thu nhập từ quả xoài tươi và các sản phẩm chế biến từ quả xoài mang lại nguồn thu nhập chính cho nông dân huyện Cam Lâm.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp, nhiệm vụ trong triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của UBND tỉnh Khánh Hòa, huyện Cam Lâm đã đẩy mạnh triển khai chương trình OCOP trên địa bàn huyện. Những năm qua, Chương trình OCOP đã được chính quyền, nhân dân và các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện quan tâm triển khai thực hiện, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản của địa phương, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

Trong năm 2022, đã có 05 sản phẩm của 04 chủ thể đăng ký và được hỗ trợ gồm: Xoài Úc và Xoài Tứ Quý (Tổ hợp tác trồng xoài VietGAP Cam Tân); Xoài sấy Cam Lâm (Công ty TNHH Camlamonline); Xoài Úc Khánh Hoà Phát (Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Khánh Hoà Phát) và Xoài Úc Cam Thành Bắc (Hợp tác xã Cây ăn quả Cam Thành Bắc), nâng tổng số sản phẩm OCOP của huyện lên 06 sản phẩm với 05 chủ thể đã được hỗ trợ, xét chọn đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao.

Năm 2023, huyện Cam Lâm sẽ tiếp tục tập trung rà soát các



Xoài là cây trồng chủ lực của huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà

sản phẩm có tiềm năng, lợi thế để lựa chọn, thực hiện chương trình OCOP nhằm mục tiêu đẩy mạnh quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm, đồng thời góp phần thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới; tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm hàng hóa trên thị trường (truy xuất nguồn gốc, liên kết chuỗi, phát triển thương hiệu, bán hàng,...); nâng cao chất lượng đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn Chương trình OCOP, hoàn thiện hồ sơ nâng cấp lên 4 và 5 sao vào các năm tiếp theo. Đối với sản phẩm mới, khuyến khích các sản phẩm có nguồn nguyên liệu ổn định tại địa phương, dự kiến sẽ có từ 7 – 10 sản phẩm tham gia Chương trình OCOP với kinh phí thực hiện dự

kiến 1.624 triệu đồng (trong đó: ngân sách tỉnh là 1.336 triệu đồng, vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân là 288 triệu đồng).

Trong thời gian tới, huyện Cam Lâm sẽ tiếp tục tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về Chương trình OCOP đến các cộng đồng dân cư; tổ chức hướng dẫn các chủ thể sản xuất đăng ký ý tưởng sản phẩm và xây dựng kế hoạch kinh doanh; lồng ghép các nguồn lực hỗ trợ cho các chủ thể có sản phẩm đăng ký tham gia; phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. □

TRẦN NHÀI
Phòng NN và PTNT huyện Cam Lâm,
tỉnh Khánh Hòa

TỈNH QUẢNG NGÃI ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN CHỐNG KHAI THÁC IUU

Tháng 10.2023, Đoàn Thanh tra của Ủy ban Châu Âu (Đoàn Thanh tra) sang Việt Nam kiểm tra lần thứ 4 về chống khai thác IUU. Để chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra, cùng cả nước phấn đấu đạt mục tiêu đến tháng 10.2023 gỡ “thẻ vàng” thủy sản, trước đó tỉnh Quảng Ngãi đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hành động quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm chống khai thác IUU.

Là một ngư dân vừa tham gia đánh bắt trên biển, vừa góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc; ông Nguyễn Văn Hoàng ở xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi ý thức được để gỡ “thẻ vàng” của EC, ngư dân phải tuân thủ quy định của pháp luật khi tham gia khai thác thủy sản trên biển, đặc biệt chấm dứt xâm phạm vùng biển nước ngoài. Vì vậy, trước khi đưa tàu cá ra đánh bắt dài ngày ở vùng biển Hoàng Sa, ông đưa tàu cá đến Trạm Kiểm soát biên phòng Sa Kỳ để khai báo số lượng thuyền viên, ngành nghề và thời gian hoạt động trên biển. Ông cũng ký cam kết không xâm phạm vùng biển nước ngoài.

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, đến tháng 7.2023 tổng số tàu cá đã đăng ký là 4.292 chiếc. Trong đó, tàu khai thác lưới kéo chiếm 29,4%; lưới vây

chiếm 13,9%; lưới rê chiếm 23,8%; câu 24,5% và nghề khác 8,4%. Toàn tỉnh đã cấp giấy phép khai thác thủy sản cho 3.549/4.292 tàu cá, đạt tỷ lệ 82,69%; tỷ lệ tàu cá đã đánh dấu đạt trên 97%. Tổng số tàu cá của tỉnh đã đăng kiểm là 3.365 chiếc. Toàn tỉnh hiện có 2.934 tàu cá có chiều dài 15m trở lên đã lắp đặt VMS. Hiện còn 24 tàu cá hoạt động trong tỉnh chưa lắp đặt VMS. Các chủ tàu đã ký cam kết với cơ quan chức năng địa phương sẽ lắp đặt VMS trong thời gian tới.

Từ đầu năm đến nay, qua hệ thống giám sát tàu cá đã phát hiện 260 tàu cá mất kết nối trên biển trên 10 ngày. Đại tá Đoàn Thanh Long, Phó Chỉ huy trưởng, Tham mưu Trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh cho biết, đơn vị đã thường xuyên tuyên truyền về công tác khai thác IUU cho ngư dân các địa phương; tổ chức 280 lượt tuần tra, kiểm tra, kiểm soát chống khai thác IUU đối với các phương tiện hoạt động trên địa bàn tỉnh, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. “Đơn vị phối hợp với các lực lượng tổ chức 3 đợt tuần tra, qua đó phát hiện 12 trường hợp/14 phương tiện vi phạm các quy định trong lĩnh vực thủy sản và lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; xử phạt vi phạm hành chính tổng số tiền gần 100 triệu đồng. Đến

tháng 7.2023, đơn vị đã xử phạt và tham mưu xử phạt vi phạm hành chính đối với 31 đối tượng; tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá đối với 13 thuyền trưởng”, ông Long thông tin.

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi Trần Phước Hiền cho rằng, để công tác khai thác IUU trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới đạt hiệu quả tích cực, yêu cầu các sở, ngành, địa phương tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng ngư dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan tuân thủ các quy định pháp luật về chống khai thác IUU. Đồng thời, yêu cầu các địa phương 2 tuần 1 lần báo cáo kết quả thực hiện công tác IUU về tỉnh; lồng ghép công tác kiểm tra phòng chống thiên tai với công tác kiểm tra khai thác IUU; tập trung xử lý dứt điểm các xác tàu đang nằm tại các khu vực neo đậu của địa phương trước ngày 1.10.2023. Trường hợp có phát sinh vướng mắc, phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh xử lý.

Các địa phương rà soát, thống kê toàn bộ số lượng tàu cá, hoàn thành 100% việc đăng ký, đăng kiểm, đánh dấu tàu cá, cấp giấy phép khai thác thủy sản, lắp đặt VMS theo quy định. Trên cơ sở danh sách tàu cá có nguy cơ cao vi phạm khai thác IUU do Sở Nông nghiệp và PTNT cung cấp, UBND cấp huyện tổ chức rà soát nắm chắc tình trạng hoạt động của tàu cá, lập danh sách các tàu cá không tham gia khai thác thủy sản để quản lý; chỉ đạo UBND cấp xã/phường phân công cụ thể đơn vị, cá nhân theo dõi, quản lý tàu cá có nguy cơ cao vi phạm khai thác IUU. □

NHƯ ĐỒNG
Đài Truyền thanh huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi



KẾT QUẢ DỰ ÁN NUÔI THỎ NEW ZEALAND THEO HƯỚNG LIÊN KẾT TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Trung tâm Khuyến nông Hải Dương đã triển khai Dự án: “Nghiên cứu, xây dựng mô hình nuôi thỏ New zealand theo hướng liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Hải Dương” tại 5 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh là Chí Linh, Hải Dương, Tứ Kỳ, Kim Thành, Nam Sách, với 7 hộ dân tham gia. Sau hơn một năm triển khai, mô hình đã mang lại kết quả bước đầu.

Mô hình được thực hiện với quy mô 3.600 con thỏ bố mẹ (3.000 thỏ mẹ, 600 thỏ bố) được nuôi theo phương thức bán công nghiệp. Mô hình chăn nuôi thỏ thương phẩm được thực hiện vào năm 2022 với quy mô 5.000 thỏ con và năm 2023 với quy mô 15.000 thỏ con, được chọn từ 3.000 thỏ mẹ của mô hình nuôi thỏ sinh sản. Tất cả thỏ bố mẹ được nhập về đều được tiêm phòng đầy đủ vắc - xin sốt xuất huyết truyền nhiễm. Tỷ lệ thụ thai thỏ bố mẹ trung bình đạt $\geq 98\%$; số thỏ con sinh ra đạt 6 con/lúa, tỷ lệ sống đạt từ 95 - 98%. Các hộ tham gia mô hình đều được tập huấn quy trình kỹ thuật chăn nuôi thỏ sinh sản, chăn nuôi thỏ thương phẩm theo hướng an toàn sinh học, tập huấn kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng, phối giống, công tác vệ sinh thú y và phòng bệnh cho thỏ.

Trong quá trình triển khai mô hình, các cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Khuyến nông thường xuyên đến kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật. Qua thống kê của các hộ tham gia mô hình, giá thỏ sinh sản là 100.000 đồng/kg, trung bình 100 con thỏ cho thu lãi 10 triệu - 13 triệu đồng; giá thỏ thương phẩm là 90.000 đồng/kg, trung bình 100 con thỏ cho thu lãi từ 6,2 triệu - 6,3 triệu đồng. Dự án áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học nên chất lượng thịt đảm bảo an toàn, nguồn gốc rõ ràng,

sản phẩm sạch, chất lượng cao. Mô hình có năng suất cao hơn so với giống đang nuôi phổ biến tại địa phương, tăng tính đồng đều của đàn, giảm chi phí sử dụng thuốc thú y trong phòng và trị bệnh (từ 10 - 15%). Thỏ có chất lượng thịt thơm ngon, tiêu tốn thức ăn ít. Đây là một mô hình mới, hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân.

Hiện nay, các hộ chăn nuôi thỏ trên địa bàn tỉnh đã thành lập Hợp tác xã chăn nuôi thỏ bước đầu đã phát huy được hiệu quả của việc liên kết: giảm chi phí đầu vào, đầu ra ổn định. Thông qua Dự án sẽ hỗ trợ, tư vấn để kết nối doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thu mua thỏ thương phẩm với người nuôi thỏ trong dự án từ đó giúp nghề chăn nuôi thỏ ngày càng phát triển và hiệu quả kinh tế cao hơn, dần đưa nghề chăn nuôi thỏ thành một nghề mũi nhọn của tỉnh. Thời gian tới, Dự án sẽ xây dựng được các mô hình liên kết trong chăn nuôi thỏ sinh sản, thỏ thương phẩm phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu với giống thỏ New zealand, đồng thời thúc đẩy phát triển chăn nuôi thỏ của tỉnh, đưa giống thỏ có năng suất, chất lượng cao vào phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh; cung cấp

con giống tại chỗ cho các hộ chăn nuôi trong và ngoài tỉnh thông qua hợp tác xã, hạn chế việc du nhập con giống không rõ nguồn gốc làm ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi. Dự án còn tư vấn, hỗ trợ các hộ chăn nuôi về liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm: định hướng phát triển, tư vấn tổ chức sản xuất, tìm kiếm thị trường, truyền thông... tạo thị trường tiêu thụ ổn định.

Dự án “Nghiên cứu, xây dựng mô hình nuôi thỏ New zealand theo hướng liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Hải Dương” giúp cho người chăn nuôi có thêm định hướng trong sản xuất, tận dụng nguồn nhân lực, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho bà con. Thành công của dự án sẽ mang lại những điều kiện ban đầu cho việc hình thành và phát triển mở rộng nghề chăn nuôi thỏ sinh sản, thỏ thương phẩm tại địa phương. Trong điều kiện chăn nuôi hiện nay có thể đưa nghề chăn nuôi thỏ trở thành nghề mũi nhọn, hình thành vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn phục vụ tiêu dùng trong nước và hướng tới xuất khẩu. □

NGUYỄN THỊ TUYẾN
Trung tâm Khuyến nông Hải Dương



Dự án nuôi thỏ New zealand giúp bà con có thêm định hướng trong sản xuất và thu nhập ổn định

PHÁT TRIỂN DƯỢC LIỆU HỮU CƠ DƯỚI CHÂN NÚI LANGBIANG

Từ niềm đam mê và tâm huyết với nông sản hữu cơ, chị Lê Thị Thu Hậu, Giám đốc Công ty TNHH Nông sản Hiếu Linh đã cùng những người bạn của mình tạo nên một vùng thung lũng khát vọng xanh dưới chân núi Langbiang sản xuất rau, củ, quả hữu cơ, đặc biệt là sản phẩm dược liệu hữu cơ tốt cho sức khỏe, được người tiêu dùng ưa chuộng.

Nông trại của chị Hậu trồng các loại rau, dược liệu thuận tự nhiên, không dùng phân bón hóa học hay thuốc bảo vệ thực vật. Từ công đoạn chuẩn bị đất, chị tuân thủ thời gian phơi đất để hạn chế nhiễm khuẩn, khử độc và xử lý đất bằng chế phẩm KBM; đến nguồn nước sạch được lấy từ tự nhiên cách xa khu dân cư. Chị trồng nhiều loại rau luân canh, xen canh để duy trì sự cân bằng hệ sinh thái. Rau thu hoạch hàng ngày và tất cả các công đoạn đều được làm thủ công để giữ nguyên hương vị tự nhiên.

Chị Hậu đang trồng thử nghiệm, phát triển mạnh cây dược liệu để phát triển theo Đề án dược liệu đến năm 2030 của tỉnh Lâm Đồng. Với diện tích gần 1ha, chị trồng 3.000 m² cây bồ công anh vàng và tím, 3.000 m² cây hương thảo, còn lại là tía tô, bạc hà, cần tây, cà rốt, củ dền, các loại rau (củ cải, cải xoăn, cải bẹ, cải cầu vồng, xà lách)...

Chị Hậu chia sẻ: “Cuối năm 2021 chị nhập hạt giống bồ công anh từ Mỹ, sau đó ươm thành cây trồng, sau khoảng 4 tháng trồng cây bắt đầu cho thu hoạch. Bồ công anh vốn là loài cây mọc dại nên chăm sóc khá dễ, thuận theo sự phát triển tự nhiên. Có thể thu từ khi cây non hái lá để ăn lẩu, ép nước, già hơn thì cắt sấy khô làm trà. Cây bồ công anh thu hoạch cả



thân, lá, rễ làm trà túi lọc và cao. Mỗi vụ, chị sản xuất được gần 1 tấn trà túi lọc và cao bồ công anh. Hiện giá bán lẻ 1 gói trà bồ công anh túi lọc (50 túi) là 150.000 đồng. So với bồ công anh vàng, bồ công anh tím không đạt năng suất bằng nhưng dược tính được đánh giá cao hơn.

Với diện tích gần 1ha, trung bình mỗi tháng trang trại cung cấp hơn 1 tấn nông sản hữu cơ như bồ công anh, tía tô, cà rốt, củ dền, rau các loại... Sau khi trừ chi phí, thu nhập của nông trại khoảng 300 - 400 triệu đồng/ha/năm. Chị Hậu cho biết: làm nông nghiệp hữu cơ không lãi nhiều nhưng đổi lại là sự ổn định và giá trị về mặt môi trường, xã hội. Trên vườn từ đất, nước đạt chất lượng, không tồn dư hóa chất. Phân bón chủ yếu là phân gà hữu cơ của Nhật. Phòng trị bệnh cho cây trồng bằng cây Neem Ninh Thuận có vị đắng rải trên luống trồng để hạn chế ốc, nhớt phá hoại và giã ớt, tỏi để phun phòng trừ sâu bệnh, không phải dùng thêm thuốc sinh học hay hóa học.

Thị trường tiêu thụ chính của nông trại là TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Tây, OCOP Lạc Dương, HTX Nông nghiệp tổng hợp

Sunfood, Công ty Cổ phần công nghệ sinh học rừng hoa Đà Lạt. Chị Hậu cho biết, Công ty đã liên kết với một số nông hộ trong vùng để hỗ trợ cung cấp cây giống, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch đến bao tiêu sản phẩm nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định để sản xuất. Sắp tới, Công ty sẽ liên kết phát triển cây dược liệu, đầu tư khâu chế biến làm trà túi lọc và cao bồ công anh, ươm và phát triển 10.000 cây hương thảo để chiết xuất tinh dầu, trồng tía tô để chiết xuất ... theo tiêu chuẩn tuân hoàn khép kín từ khâu ươm giống đến chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, chế biến, đóng gói tiêu thụ sản phẩm, đồng thời phát triển đa dạng các sản phẩm rau, củ, quả hữu cơ.

Trong năm 2023, Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng sẽ hỗ trợ các đơn vị xây dựng chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm hữu cơ và xúc tiến thương mại các sản phẩm dược liệu nhằm phát triển, nâng cao diện tích sản xuất, sản lượng sản phẩm hữu cơ, đồng thời giới thiệu, quảng bá sản phẩm hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. □

VĂN THỌ
Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng

QUY TRÌNH QUẢN LÝ TỔNG HỢP RUỒI ĐỤC QUẢ TRÊN CÂY TÁO TẠI MỘT SỐ TỈNH NAM TRUNG BỘ

1. Biện pháp canh tác

- Thời vụ: Trường hợp áp dụng lưới chắn côn trùng, có thể cắt cành vào thời vụ có giá bán cao để tăng hiệu quả kinh tế. Trường hợp không có điều kiện bao lưới thì nên cắt cành từ tháng 5 đến tháng 8 để hạn chế ruồi đục quả và sâu đục quả gây hại.

- Mật độ cành, đốn đầu và để cành cấp 2 với số lượng 5 cành/cây nếu mật độ trồng với hàng cách hàng 5m, cây cách cây 4m hoặc mật độ tương đương. Nếu mật độ trồng dày hơn thì giảm số cành cấp 2 trên cây để đảm bảo độ thông thoáng cho vườn táo.

- Lượng phân bón cho 1 ha táo ở giai đoạn kinh doanh trong một năm là 20 tấn phân chuồng hoai mục + 160 kg P₂O₅ (1000 kg super lân) + 280kg N (600kg Urea) + 360 kg K₂O (600 kg KCl) + 10 kg phân bón lá Canxi Bo.

* Cách bón:

+ Bón lót: Toàn bộ phân chuồng hoai mục + lân, trước giai đoạn đốn táo khoảng 7 - 10 ngày, kết hợp xới xáo và lấp phân.

+ Bón thúc: Chia 3 lần bón, rải đều trên rãnh giữa hai hàng cây, sau mỗi lần bón phân cần xới xáo lấp đất và tưới nước.

Lần 1: Sau khi đốn táo, thu gom hết cành trong vườn, bón 1/3 urê + 1/3 Kali clorua.

Lần 2: Trước khi cây ra hoa rộ (khoảng 60 - 70 ngày sau cắt cành), bón 1/3 urê + 1/3 Kali clorua.

Lần 3: Sau khi cây đậu quả (khoảng 110 - 130 ngày), bón hết lượng phân hóa học còn lại.

- Bổ sung phun phân bón lá khi cây bắt đầu hình thành nụ hoa: 10 - 15 ngày phun 1 lần và ngừng phun phân bón lá trước thu hoạch 15 ngày.

- Biện pháp tưới nước: Bằng cách phun mưa cục bộ kết hợp với tưới tràn sau các lần bón phân và xới xáo đất.

2. Biện pháp vật lý cơ giới

- Sử dụng lưới chắn côn trùng chuyên dụng, kích thước lỗ lưới 16 mesh (số lỗ lưới/1 inch đơn vị tính). Bao lưới kín vườn táo (bao lưới cố định hoặc di động), ở giai đoạn đầu vụ chú ý mở lưới để cây táo ra hoa đậu quả thuận lợi và bao lưới lại sau khi cây táo đậu quả 25 - 26 ngày (việc bao lưới cần xử lý trước khi quả táo bị ruồi đục quả gây hại). Nhà lưới có chiều cao tối thiểu là 3,5m.

- Sau khi bao lưới, thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, nếu phát hiện quả táo bị nhiễm ruồi đục quả thì tiêu hủy triệt để bằng cách thu gom vào túi ni-lon, buộc chặt và đem ra khỏi vườn để chôn lấp tiêu diệt ấu trùng. Việc tiêu hủy cây ký chủ phụ của ruồi đục quả trong vườn táo được tiến hành khi cây ra hoa đậu quả.

- Bẫy trưởng thành ruồi: Dùng kết hợp các loại bẫy ruồi đục quả trong vườn táo như sau:

+ Dùng bẫy chuyên dụng có chứa hoạt chất Methyl Eugenol (Vizubon-D), treo bẫy cách mặt dưới giàn táo khoảng 10 - 15cm với mật độ 30 - 50 bẫy/ha và 2 tuần bổ sung 1 - 2ml Methyl Eugenol/1 bẫy, kết hợp vệ sinh bẫy. Tại cửa ra vào vườn táo phải treo 1 - 2 bẫy.

+ Bẫy dính màu vàng treo cách mặt dưới giàn táo khoảng 10 - 30 cm, mật độ 80 - 100 bẫy/ha (kích thước bẫy 50 - 60cm x 20cm), treo xen kẽ với các bẫy khác.

+ Bẫy protein thủy phân (Entopro 150SL;...): pha dung dịch protein thủy phân với nồng độ 60 ml mỗi protein/1 lít nước. Phun 200ml dung dịch này ướt đều cho 1 điểm, phun từ 80 - 100 điểm/ha và phun lên cây cỏ trong vườn táo hoặc các bẫy dính màu vàng để dẫn dụ và diệt ruồi.

- Biện pháp sinh học

Bảo vệ và lợi dụng các loài thiên địch bằng cách trồng xen cây đậu đen với cây táo (sau khi bón phân thúc lần 1 tiến hành gieo đậu đen



Bao lưới toàn bộ vườn táo để ngăn chặn ruồi, sâu đục quả táo

với lượng 30 kg/ha) để thu hút, duy trì và kích lệ hoạt động của các loài thiên địch. Hạn chế tối đa sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có ảnh hưởng đến quần thể thiên địch.

Lưu ý: Thuốc bảo vệ thực vật hóa học có chứa hoạt chất Methyl Eugenol chỉ được khuyến cáo sử dụng sau khi được đăng ký vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để phòng chống ruồi đục quả hại cây táo.

RUỒI ĐỤC QUẢ HẠI TÁO

Trên cây táo tại Nam Trung Bộ xuất hiện 2 loài ruồi gây hại là ruồi đục quả Đông Phương *Bactrocera dorsalis* Hendel - loài này gây hại phổ biến hơn ruồi đục quả ổi *Bactrocera correcta* Bezzi.

1. Đặc điểm nhận dạng

- Loài *Bactrocera dorsalis* Hendel: trưởng thành toàn thân có màu vàng sậm, mạch "vân costal band" ở cánh kéo dài đến R2+3, mặt lưng bụng có màu nâu sẫm và có hình ô van. Ở đốt bụng thứ III đến đốt bụng thứ V có vết hình chữ T mảnh liên tục và có màu sậm ngả đen. Mảnh lưng ngực giữa thường có màu tối sậm và có hai sọc dọc ở hai bên lưng và hai sọc này có màu vàng. Phía cuối sọc lưng có 1 lông a.i. ở ngay vị trí kết thúc. Miếng thuẫn lưng có màu vàng tươi và có 1 cặp lông. Mặt có 2 đốm màu đen khá to và có hình dạng không tròn, chân có màu thiên về vàng sáng ngoại trừ đốt chày chân trước và đốt chày chân sau có màu nâu đậm. Phía ngoài đùi trước có vết đốm sẫm màu.

- Loài *Bactrocera correcta* Bezzi: Trưởng thành có màu vàng, mặt lưng ngực giữa màu đen, kích thước cơ thể thường nhỏ hơn so với loài *Bactrocera dorsalis* Hendel. Ở mặt có một vết nằm ngang màu đen. Mảnh lưng ngực giữa màu vàng nâu và có hai sọc dọc rộng hai bên có màu vàng. Cánh trong, khi đập 2 cánh giang ngang vuông góc với thân, ở đỉnh cánh có một chấm đen nhỏ. Mặt trên của các đốt bụng có vết sẫm màu hình chữ T khá rõ.

2. Tác hại

Trưởng thành cái đẻ trứng vào trong phần thịt dưới vỏ quả. Trứng nở thành ấu trùng và ấu trùng sống ở trong quả, ăn và phá hoại phần thịt quả, làm quả non biến dạng, quả chín bị thối, ủng và rụng. Quả bị ruồi đục quả gây hại thường phải tiêu hủy. Ấu trùng ruồi đục quả tồn tại trong quả táo nên có thể là rào cản đối với xuất khẩu quả tươi, nếu đó là đối tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu.

3. Ký chủ của ruồi đục quả hại táo

Trong 25 loài cây được xác định là ký chủ của ruồi đục quả hại táo tại Ninh Thuận và vùng phụ cận, có 9 loài bị ruồi gây hại rất phổ biến, gồm nho, roi (mận), ổi, na (mãng cầu ta), mướp đắng, mướp hương, xoài, táo ta và táo dại. Từ đó, để hạn chế ruồi đục quả trên cây táo thì cần hạn chế tối đa ký chủ và xử lý ngăn chặn ruồi trên ký chủ quanh vườn táo xâm nhập vào vườn táo.

Sữa ong chúa là chất tiết ra từ tuyến hàm và tuyến hạ hầu của ong thợ non (5 - 8 ngày tuổi) để nuôi ấu trùng ong chúa và ong chúa trưởng thành. Nó được gọi là sữa ong chúa bởi vì đây là thức ăn duy nhất cho ấu trùng ong chúa.

Sữa ong chúa được sản xuất bằng cách di trùng (chuyển ấu trùng) tuổi nhỏ 1 ngày tuổi vào mũ chúa nhân tạo để ong nuôi dưỡng nhà sữa để nuôi ấu trùng ong chúa. Phương pháp sản xuất sữa ong chúa dựa trên nguyên tắc đàn ong muốn chia đàn tự nhiên, muốn thay thế chúa và đàn ong mất chúa đột ngột. Khi đó ong thợ sẽ xây mũ chúa, ong chúa đẻ trứng thụ tinh vào đó hoặc ong thợ gắp ấu trùng một ngày tuổi vào mũ chúa. Trường hợp đàn ong mất chúa, ong thợ sẽ cấp tạo mũ chúa từ lỗ tổ ấu trùng ong thợ. Tỷ lệ tiếp thu các mũ chúa nhân tạo cao hơn đáng kể khi tuổi của ấu trùng được chọn để di trùng ít hơn 48 giờ.

Để sản xuất sữa ong chúa người nuôi ong sử dụng cấu tạo sữa chúa với các mũ chúa bằng nhựa, di các ấu trùng 1 ngày tuổi vào các chén nhựa. Đến ngày thứ 3 (72 giờ) sau khi di trùng sữa chúa sẽ được thu hoạch vì lúc này lượng sữa chúa trong mũ chúa đạt lớn nhất. Dưới đây là quy trình sản xuất sữa ong chúa:

Bước 1. Chuẩn bị trại ong khai thác sữa ong chúa

- Nhóm đàn ong chuyên lấy sữa chúa:

Những đàn ong ngoại A. mellifera có thể đàn ≥ 6 cầu, đông quần, nhiều ong non ở tuổi tiết sữa, nhiều mật phấn dự trữ, không mắc các bệnh truyền nhiễm và ký sinh trùng, có ong chúa được tạo từ các dòng ong chuyên sản xuất sữa ong chúa được chọn làm đàn chuyên khai thác sữa ong chúa.

CÔNG NGHỆ KHAI THÁC, SƠ CHẾ VÀ BẢO QUẢN SỮA ONG CHỨA

Trong trường hợp thiếu thức ăn dự trữ (mật, phấn) cần bổ sung kịp thời thức ăn cho đàn ong.

- Nhóm đàn ong cung cấp ấu trùng 1 ngày tuổi:

Chọn các đàn ong khỏe mạnh, không mắc các bệnh truyền nhiễm có ong chúa để khỏe làm nhóm đàn chuyên cung cấp ấu trùng ≤ 1 ngày tuổi để di trùng. Để di trùng nhanh và hiệu quả cần cho ong ăn bổ sung đường và thức ăn thay thế phấn hoa. Trong đàn có sẵn các cầu dự trữ đã được ong thợ dọn vệ sinh sạch sẽ để cho chúa đẻ trứng.

Bước 2. Gắn mũ chúa nhựa (chén nhựa) lên các thanh ngang của khung cầu làm sữa chúa

Gắn các mũ chúa bằng nhựa lên các thanh làm sữa (mỗi thanh gắn 36 mũ chúa) của khung cầu dùng để thu hoạch sữa chúa (gồm một khung gỗ có gắn từ 3 - 4 thanh ngang để gắn mũ chúa). Sau khi chuẩn bị xong khung làm sữa thì đưa vào cho các đàn ong dọn sạch trước khi dùng để di các ấu trùng vào các mũ chúa. Khi ong đã dọn sạch và quen với mùi các mũ chúa nhân tạo, mang ra để di các ấu trùng vào các mũ chúa

Dùng sáp ong nguyên chất, có mùi thơm đặc trưng để gắn các mũ chúa lên các thanh ngang của khung cầu dùng để lấy sữa. Sau khi gắn chặt các mũ chúa nhân tạo vào các thanh ngang thì đưa vào đàn ong để cho ong thợ non dọn sạch các mũ chúa.

Bước 3. Chọn ấu trùng một ngày tuổi để di ấu trùng vào các mũ chúa

Chọn những ấu trùng tuổi nhỏ hơn hoặc bằng ngày tuổi trong

các đàn ong có ong chúa đẻ tốt, tỷ lệ ấu trùng nở cao, không bị mắc bệnh truyền nhiễm. Nhóm đàn này có chức năng chủ yếu là tạo ra các ấu trùng nhỏ để cung cấp cho bước di ấu trùng vào các mũ chúa gắn trên các thanh ngang của khung làm sữa. Tiến hành lấy các cầu ong có các ấu trùng không quá 24 giờ tuổi ở nhóm đàn cung cấp ấu trùng ra khỏi đàn, chọn được ấu trùng phù hợp dùng kim di trùng múc các ấu trùng đặt vào đáy các mũ chúa.

Bước 4. Cho nuôi dưỡng ấu trùng để lấy sữa chúa

Khi hoàn tất việc di ấu trùng vào các mũ chúa thì chuyển chúng sang nhóm đàn nuôi dưỡng, trong 3 ngày (72 giờ), sau đó lấy ra khỏi đàn để tổ chức thu hoạch sữa chúa.

Đảm bảo đầy đủ thức ăn cho đàn tạo sữa, đặc biệt lượng phấn hoa phải luôn dư thừa.

Bước 5. Lấy khung sữa chúa để thu hoạch sữa

Sau khi cho các đàn ong chuyên lấy sữa nuôi các ấu trùng được 3 ngày, tiến hành lấy các khung cầu sữa ra khỏi tổ. Dùng bình khói thổi vào các khe ong, rồi dùng hai tay nhấc cầu sữa lên, dùng cổ tay lắc nhẹ cho ong rơi xuống, sau đó lấy chổi quét ong, quét sạch ong thợ bám trên cầu làm sữa.

Bước 6. Tiến hành cắt bỏ sáp trên các mũ chúa

Các mũ chúa thường được ong thợ tiết sáp xây thêm nên khi múc sữa ra dễ bị lẫn vào trong sữa. Vì vậy cần dùng dao nhỏ cắt bỏ phần sáp xây thêm trước khi múc sữa.

Bước 7. Gấp các ấu trùng
Sau khi cắt phần sáp xây thêm,



dùng panh gấp các ấu trùng có trong các mũ chúa ra ngoài, xếp gọn để chuẩn bị cho việc múc sữa ong chúa.

Bước 8. Lấy sữa chúa và lọc sạch sữa chúa

Dùng các thanh tre sạch để vét sữa chúa hoặc dùng máy hút chân không để hút sữa chúa. Sữa chúa được đưa vào các bình có đặt lưới lọc sữa để lọc cho tiện. Các khung làm sữa sau khi đã thu hoạch xong tiếp tục di trùng cho thu hoạch sữa lần sau.

Bước 9. Đóng gói

Sữa ong chúa sau khi lấy ra được lọc sạch tạp chất, đựng trong các túi nhựa thực phẩm 01 kg/túi hoặc các lọ nhựa 100 g/lọ.

Bước 10. Bảo quản sữa chúa

Sữa chúa được đóng gói kín không cho không khí tiếp xúc, được đặt vào nơi tối không có ánh sáng và được bảo quản ở nhiệt độ từ 0 - 5°C nếu trong thời gian ngắn. Khi cần dự trữ lâu, phải bảo quản trong các tủ đá hoặc trong kho lạnh ở nhiệt độ khoảng - 20°C. Ngoài ra có thể bảo quản sữa ong chúa sau khi đông khô trong viên nang cứng hoặc viên nang mềm. □

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ONG VÀ NUÔI ONG NHIỆT ĐỚI

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT RICKETTSIA LIKE BACTERIA (RLB) GÂY BỆNH SỮA TRÊN TÔM HÙM NUÔI LỒNG

Tiến bộ kỹ thuật do Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III chủ trì thực hiện từ năm 2020 - 2022.

1. Chọn vị trí và chuẩn bị lồng nuôi

a. Chọn vị trí đặt lồng nuôi

+ Nằm trong vùng quy hoạch nuôi tôm hùm của Trung ương và địa phương; xa các khu vực cửa sông hoặc nơi có các nguồn nước ngọt đổ vào thủy vực.

+ Nước có dòng chảy nhẹ (10 - 100cm/s).

+ Nơi nguồn nước có độ mặn từ 28 - 36‰, nhiệt độ nước từ 26 - 30°C, pH từ 7,5 - 8,5, hàm lượng DO ≥ 5 mg/l, độ sâu mực nước > 8m (khi thủy triều xuống thấp nhất).

b. Thiết kế xây dựng lồng nuôi

+ Lồng nuôi phải đảm bảo chắc chắn và dễ làm vệ sinh, phù hợp với hình thức nuôi và vị trí đặt lồng nuôi.

+ Đối với kiểu lồng chìm: có dạng hình hộp chữ nhật. Kích thước lồng (dài x rộng x cao) tương ứng là 3 x 3 x 1,5m (diện tích lồng 9 m², đối với lồng nuôi thương phẩm) và 1,5 x 1,5 x 1m (diện tích lồng 2,25m², đối với lồng ương tôm giống), được thiết kế bởi các khung sắt có đường kính từ 2 - 20mm. Trên phần nắp lồng, đặt một ống nhựa có đường kính từ 90 - 114mm, dài khoảng 4 - 8m (đảm bảo phần nhô lên khỏi mặt nước từ 0,5 - 1m để thuận tiện trong việc cho ăn). Đáy lồng cách đáy khu vực đặt lồng nuôi tối thiểu 1m.

+ Đối với kiểu lồng nổi: có dạng hình hộp chữ nhật. Kích thước lồng (dài x rộng x cao) tương ứng là 2 x 2 x 4m (diện tích lồng 4m², đối với lồng ương tôm giống) và



Tôm hùm bị bệnh sữa

4 x 4 x 7m (diện tích lồng 16m², đối với lồng nuôi thương phẩm), được thiết kế bởi các thanh gỗ chịu mặn hay vật liệu HDPE với các phao nổi, neo và dây neo cố định lồng.

2. Chọn giống và thả giống

- Chọn giống thả nuôi

+ Tôm hùm giống phải có kích cỡ đồng đều, cùng loài, bơi và búng nhanh nhẹn; đầy đủ các phần phụ, không bị tổn thương và có màu sắc đặc trưng của loài.

+ Tôm hùm giống có tỷ lệ dị hình không lớn hơn 0,5% và không bị nhiễm bệnh sữa do tác nhân Rickettsia like.

- Thả giống

+ Cỡ tôm hùm thả nuôi: chiều dài toàn thân từ 4,5 - 6,5cm.

+ Mật độ: 12 - 15 con/m² lồng.

+ Giống được vận chuyển đến địa điểm nuôi nên đặt dụng cụ chứa tôm giống ở mặt nước lồng nuôi khoảng 1 giờ để cân bằng nhiệt độ với vùng 3 nước thả nuôi, sau đó đổ nước biển tại vùng nuôi từ từ vào dụng cụ chứa và thả tôm vào lồng nuôi.

3. Chăm sóc và quản lý

a. Giải pháp kiểm soát Rickettsia like bacteria (RLB) gây bệnh sữa trên tôm hùm (*Panulirus* spp.) nuôi lồng

* Giải pháp kiểm soát Rickettsia like bacteria (RLB) gây bệnh sữa trên tôm hùm nuôi lồng thông qua con đường thức ăn

- Thức ăn sử dụng là thức ăn tươi (cá liệt, cá sơn, cá mối). Trong 2 tháng đầu cho tôm ăn tần suất 2 lần/ngày vào buổi sáng sớm và chiều tối, lượng cho ăn hàng ngày từ 30 - 40% khối lượng tôm. Từ tháng thứ 3 - 4, tiếp tục cho ăn 2 lần/ngày vào buổi sáng sớm và chiều tối, lượng cho ăn hàng ngày từ 20 - 25% khối lượng tôm. Sau 4 tháng nuôi, tôm được cho ăn một lần vào buổi sáng sớm, lượng cho ăn hàng ngày từ 15 - 17% khối lượng tôm.

- Khi tôm hùm nuôi đạt khối lượng khoảng 200g/con, sử dụng chế phẩm sinh học (có thành phần chính là *Bacillus* spp., *Lactobacillus* spp., hàm lượng 108CFU/g), vitamin và khoáng chất (thành

phần chính là vitamine C \geq 6.000mg/kg và một số khoáng chất bổ sung như Cu, Zn có hàm lượng từ 4.000 - 7.000mg/kg) trộn vào thức ăn cho tôm hùm. Thời gian cho tôm sử dụng chế phẩm sinh học, vitamin và khoáng chất, cụ thể ở **Bảng 1**.

- Thực hiện bổ sung chế phẩm sinh học, vitamin và khoáng chất vào thức ăn theo hướng dẫn sau:

+ Chọn thức ăn tươi, rửa thức ăn bằng thuốc tím nồng độ 5 - 10mg/l trong 10 phút, để ráo thức ăn trong 10 phút, cắt thành từng miếng nhỏ phù hợp với giai đoạn tôm nuôi.

+ Trộn thức ăn đã được cắt thành các miếng nhỏ với chế phẩm sinh học, vitamin và khoáng chất theo tỷ lệ 5g chế phẩm sinh học + 5g vitamin và khoáng chất + 5g chất kết dính (Binder)/ 01 kg thức ăn. Sau khi trộn để 15 - 20 phút rồi mới cho tôm ăn.

* Giải pháp kiểm soát Rickettsia like bacteria (RLB) gây bệnh sứa trên tôm hùm nuôi lồng thông qua môi trường nước nuôi

- Thường xuyên theo dõi các yếu tố môi trường nước tại lồng nuôi, từ đó có biện pháp kịp thời

ứng phó với thay đổi của các yếu tố môi trường nhằm hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe của tôm nuôi.

- Tần suất kiểm tra các yếu tố môi trường nước, ngưỡng thích hợp và biện pháp xử lý khi các yếu tố môi trường nằm ngoài ngưỡng thích hợp cho tôm hùm nuôi được thể hiện cụ thể tại **Bảng 2**.

b. Chăm sóc tôm nuôi

- Giảm lượng thức ăn cho tôm hùm vào những ngày biển động, thời tiết thay đổi nắng nóng hoặc mưa to.

- Trong quá trình thao tác đánh bắt, phân cỡ đàn tôm cần nhẹ nhàng, tránh xây sát cho tôm.

- Hàng ngày theo dõi tình hình sức khỏe tôm, loại bỏ vỏ lột và vớt thức ăn dư thừa.

- Định kỳ 1 tháng/lần, kiểm tra sự xuất hiện của RLB trong máu tôm hùm nuôi để có giải pháp kiểm soát RLB ở dưới ngưỡng $1,0 \times 10^3$ RLB/ml máu (kiểm soát số lượng RLB vượt ngưỡng bằng cách: cho tôm ăn thức ăn bổ sung chế phẩm sinh học, vitamin và khoáng chất theo khoản a mục 4.1.3.1).

c. Quản lý lồng nuôi

- Không di chuyển lồng từ vùng nuôi có tôm bệnh sang vùng

nuôi chưa xuất hiện bệnh nhằm hạn chế sự lây lan dịch bệnh.

- Định kỳ 10 - 15 ngày vệ sinh lồng nuôi một lần. Có thể dùng vòi nước có áp suất lớn để loại bỏ bẩn bám ở lưới lồng nuôi.

- Sau 6 tháng nuôi hoặc kết thúc vụ nuôi tiến hành thay lưới lồng nuôi, lồng cũ được kéo lên khỏi mặt nước để chà rửa lưới, lồng nhằm loại bỏ chất bẩn bám, sau đó phơi nắng để sát trùng.

4. Thu hoạch

Sau 8 tháng nuôi, tôm hùm đạt kích cỡ 300 - 400g/con tiến hành thu hoạch.

5. Chỉ tiêu kỹ thuật của quy trình

Cỡ tôm hùm thả nuôi: chiều dài toàn thân từ 4,5 - 6,5 cm. Mật độ nuôi: 12 - 15 con/m² lồng. Thời gian nuôi: 8 tháng. Kiểm soát mật độ RLB trong máu tôm hùm nuôi < $1,0 \times 10^3$ RLB/ml. Trong quá trình nuôi, không xuất hiện bệnh sứa trên tôm hùm. FCR: 25 - 27. Tỷ lệ sống: \geq 90%. Năng suất tôm trung bình: 4 kg/m². □





Bảng 1. Hướng dẫn cho tôm ăn sử dụng chế phẩm sinh học, vitamin và khoáng chất khi tôm hùm nuôi đạt khối lượng 200g/con

Đợt cho ăn sử dụng chế phẩm sinh học, vitamin và khoáng chất	Thời gian cho ăn trong ngày (7- 8 giờ)
Đợt 1 (5 ngày/đợt: ngày thứ 1, 2, 3, 4 và 5)	Cho tôm ăn thức ăn bổ sung (chế phẩm sinh học, vitamin và khoáng chất)
10 ngày tiếp theo (ngày thứ 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15)	Cho tôm ăn bình thường
Đợt 2 (5 ngày/đợt: ngày thứ 16, 17, 18, 19 và 20)	Cho tôm ăn thức ăn bổ sung (chế phẩm sinh học, Vitamin và khoáng chất)
Những ngày tiếp theo (ngày thứ 21, 22,...)	Cho tôm ăn bình thường

Bảng 2: Các thông số, tần suất kiểm tra, ngưỡng thích hợp và biện pháp xử lý các yếu tố môi trường nước trong quá trình nuôi tôm hùm lồng

TT	Chỉ tiêu	Ngưỡng thích hợp	Tần suất kiểm tra	Biện pháp xử lý khi ngoài ngưỡng thích hợp
1	Nhiệt độ (°C)	26 - 30	1 lần/ngày, vào lúc sáng sớm	- Khi nhiệt độ < 26°C: tiến hành hạ độ sâu lồng nuôi kết hợp với biện pháp chăm sóc, quản lý nhằm nâng cao sức đề kháng cho tôm hùm như: giảm khoảng 30% lượng thức ăn cho tôm hùm nuôi, bổ sung thêm một số chất hỗ trợ như men tiêu hóa, vitamin C, vitamin B để tăng sức đề kháng cũng như khả năng hấp thụ cho tôm hùm. - Khi nhiệt độ > 30°C: chủ động che mát tránh ánh nắng chiếu trực tiếp vào lồng nuôi bằng lưới lan.
2	Độ mặn (‰)	28 - 36	1 lần/ngày	Khi độ mặn nằm ngoài ngưỡng cho phép, thực hiện di chuyển lồng bè nuôi đến vị trí thích hợp. Đặc biệt, khi trời giông, bão, tránh đưa lồng lên trên tầng nước mặt; di chuyển lồng bè ra xa khu vực có ảnh hưởng của nguồn nước ngọt.
3	DO (mg/lít)	≥ 5	2 lần/ngày vào lúc sáng sớm và đầu giờ chiều	Nếu DO < 5 mg/lít, cần nâng cao lồng nuôi. Sử dụng bình oxy, máy sục khí để tăng DO trong nước tránh trường hợp tôm bị ngộp do thiếu oxy cục bộ.
4	PO ₄ ³⁻ (mg/lít)	< 0,2	3 ngày/lần	Tăng cường vệ sinh lưới lồng, thu gom thức ăn dư thừa, tuân thủ khoảng cách giữa các lồng/bè tạo sự lưu thông nước tốt bên trong và bên ngoài lồng nuôi.
5	NO ₂ ⁻ (mg/lít)	< 0,25	3 ngày/lần	
6	COD (mg/lít)	< 10	3 tuần/lần	
7	N-NH ₄ ⁺ (mg/lít)	< 0,1	3 ngày/lần	